

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên: Mai Thùy Dương
Giảng viên hướng dẫn ThS. Trần Thị Thanh Phương**

HẢI PHÒNG – 2014

Khóa luận tốt nghiệp

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Mai Thùy Dương

MSV: 1213401094

Lớp : QTL 603K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.
- Mô tả phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long
- Đề xuất giải pháp Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về thực trạng hiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đồ hộp HẠ Long năm 2013.

3. Địa điểm thực tập.

- Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long
- Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên : Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị : Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn :

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên :

Học hàm, học vị :

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn :

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 26 tháng 06 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhận nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chịu khó học hỏi, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu.
- Tuân thủ nghiêm túc yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu ...):

- Về mặt lý luận : tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: tác giả đã phản ánh được thực trạng của đối tượng nghiên cứu.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn và có tính khả thi.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014
Cán bộ hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG 1:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp luôn quan tâm đến vấn đề làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất. Do đó, doanh nghiệp cần phải kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí để biết được kinh doanh mặt hàng nào, lĩnh vực nào đạt hiệu quả cao, đồng thời xem xét, phân tích những mặt nào còn hạn chế. Từ đó đẩy mạnh việc kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả tốt nhất. Như vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp ghi chép các số liệu về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó cung cấp thông tin số liệu cần thiết giúp nhà quản lý doanh nghiệp có thể phân tích đánh giá để đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn nhất.

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước tiên, doanh thu là nguồn tài chính để đảm bảo trang trải các khoản chi phí trong hoạt động kinh doanh, để đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Doanh thu cũng là nguồn để doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước như các khoản nộp thuế theo quy định, là nguồn để tham gia góp vốn cổ phần... Doanh thu có vai trò quan trọng không chỉ với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Chi phí là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong một thời kỳ dưới hình thức các khoản tiền đã chi ra, các khoản giảm trừ vào tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu.

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp là một việc hết sức cần thiết, giúp người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả.

1.2 NỘI DUNG CỦA TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- **Khái niệm**

- **Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.
- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh thu đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó..

- **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT (đối với đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).
- Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).
- Hợp đồng kinh tế.
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ liên quan khác.

- **Tài khoản sử dụng:**

± TK 511 – “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Tài khoản 511 ” Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” có 6 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản
- Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

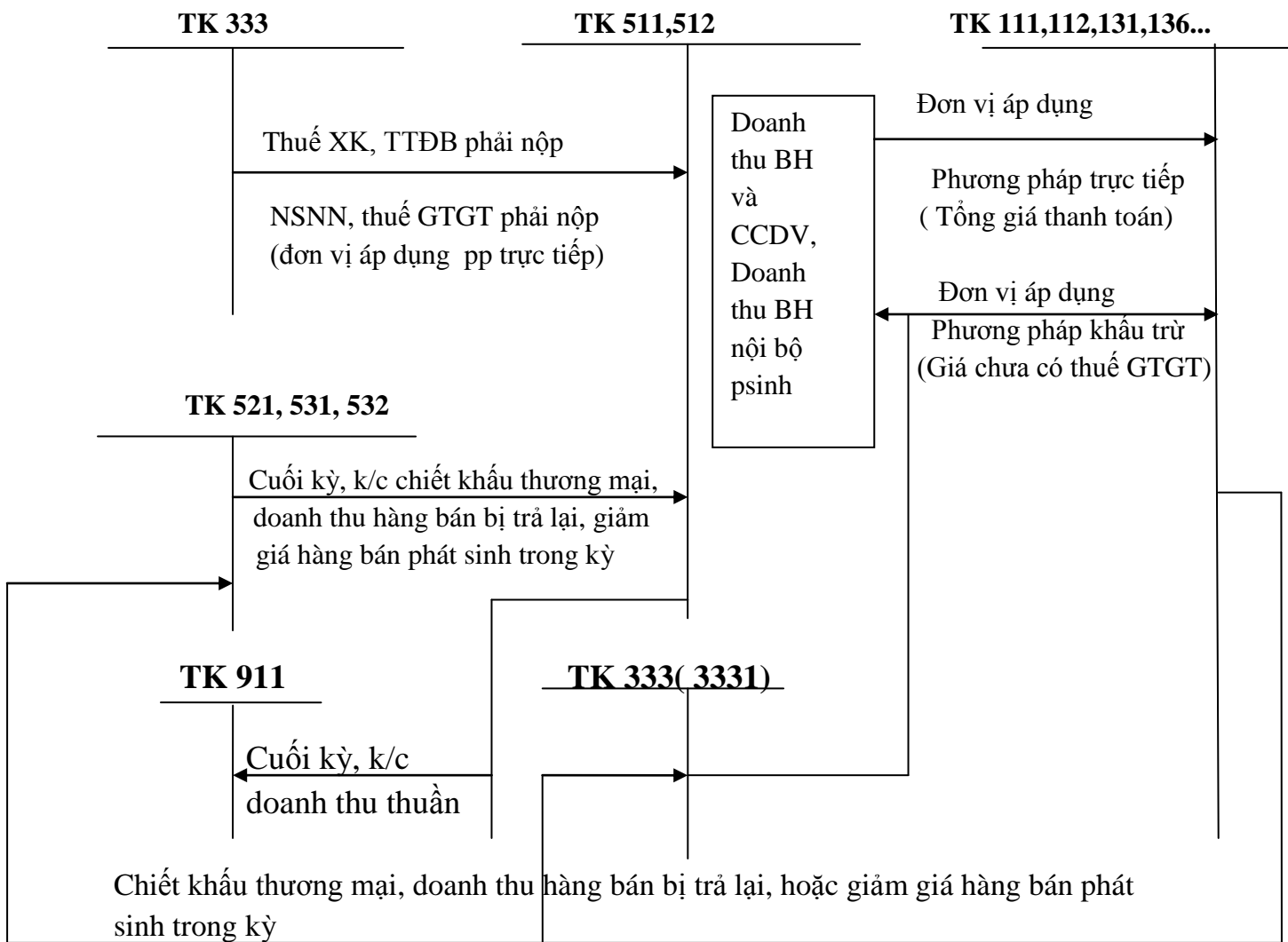
±TK 512 – “ Doanh thu bán hàng nội bộ”

Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ, có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5121: Doanh thu bán hàng hóa.
- Tài khoản 5122: Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

▪ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.1 Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



1.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

• Khái niệm

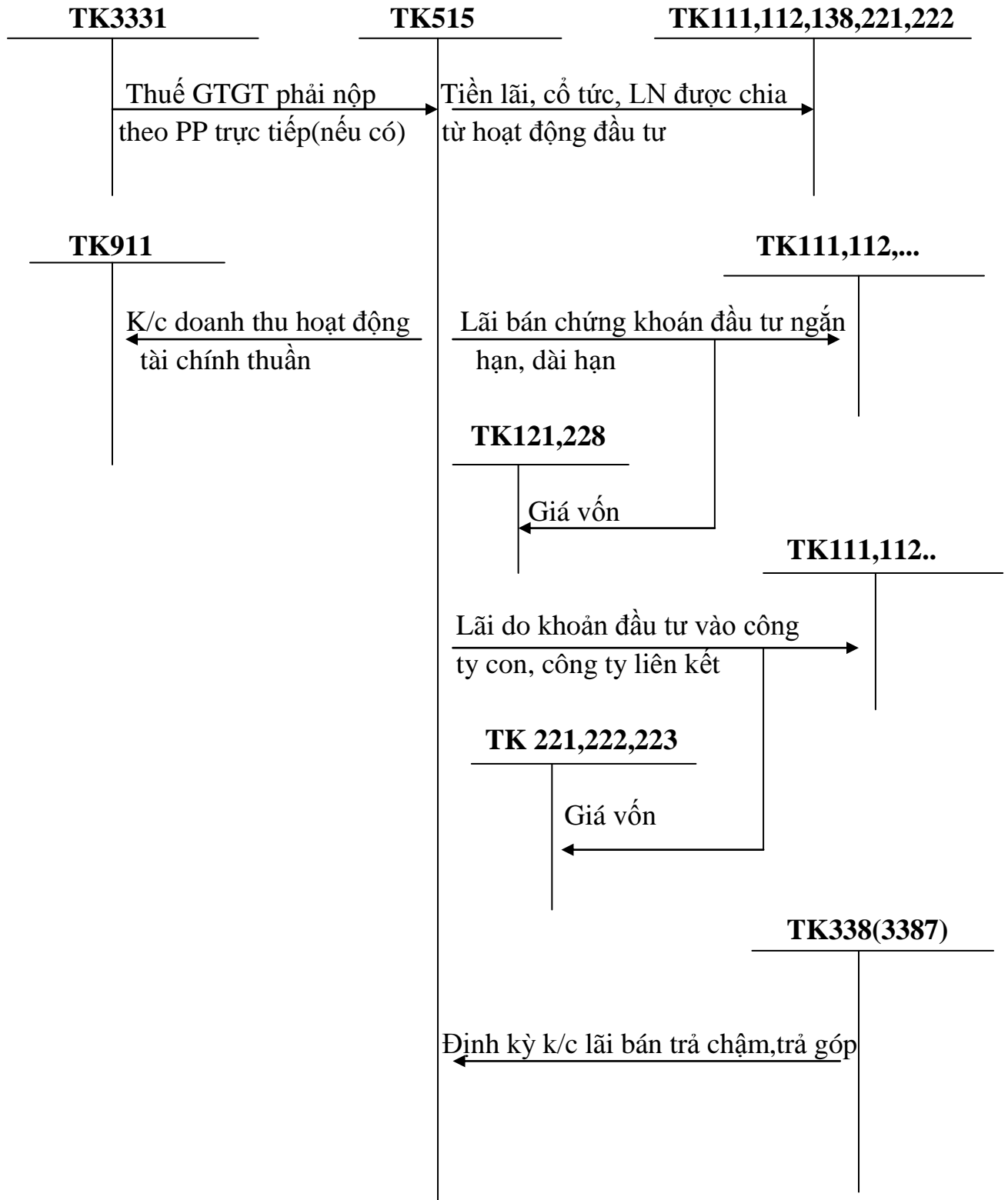
Doanh thu hoạt động tài chính: là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu và tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ;...
 - Cổ tức lợi nhuận được chia;
 - Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
 - Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
 - Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
 - Lãi tỷ giá hối đoái;
 - Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
 - Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.
- **Chứng từ sử dụng**
 - Giấy báo lãi
 - Giấy báo có của ngân hàng
 - Bản sao kê của ngân hàng
 - Phiếu kế toán
 - Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan
 - **Tài khoản sử dụng:**
 - TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”**

• Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.1.3.Kế toán thu nhập khác

- **Khái niệm**

Thu nhập khác: Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

- Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thuế được Ngân sách Nhà nước hoãn lại;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng;
- Thu nhập do nhận tặng, biếu bằng tiền, hiện vật của tổ chức các nhân tặng cho doanh nghiệp.

- **Chứng từ sử dụng**

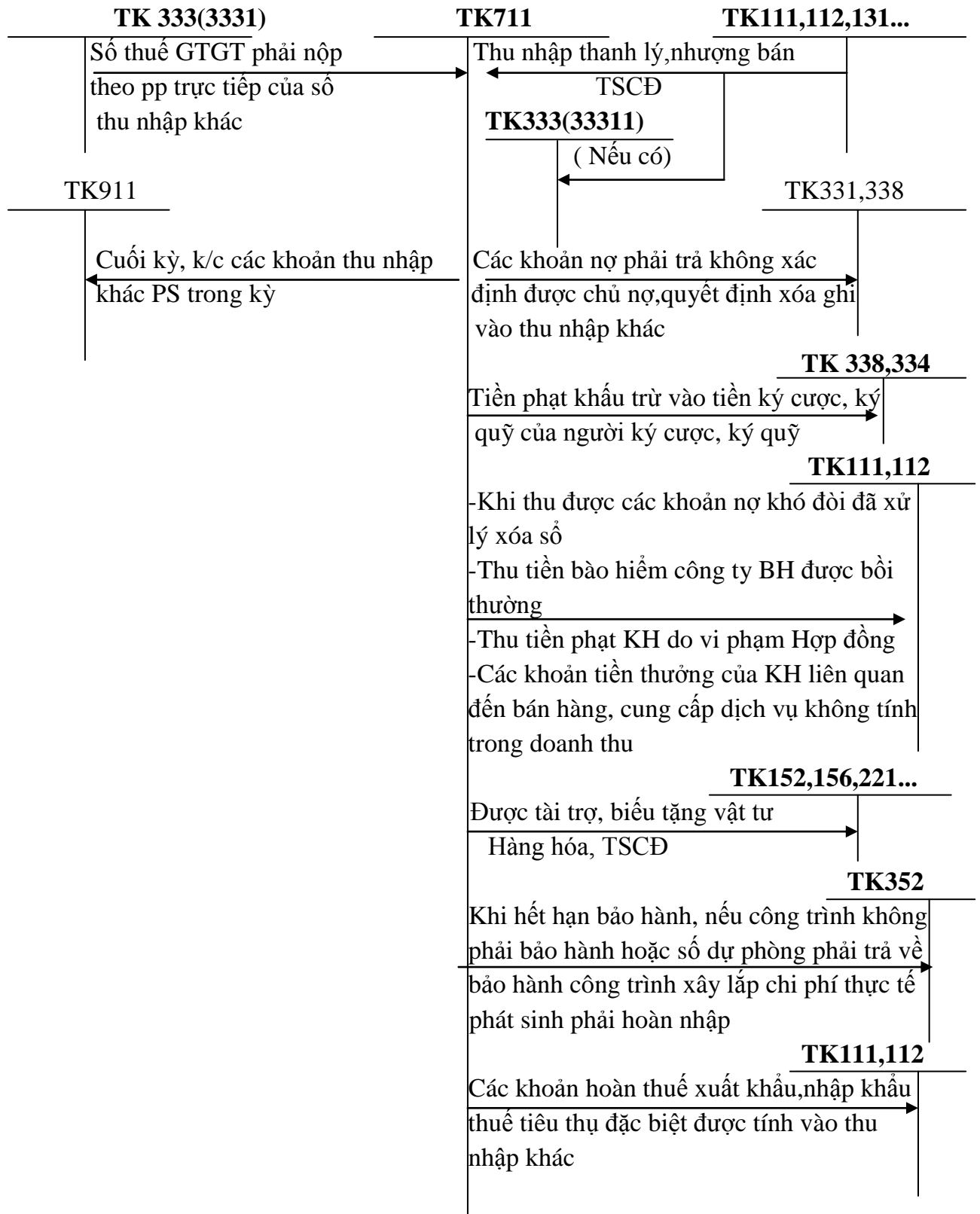
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng,...
- Các chứng từ liên quan khác như: Biên bản thanh lý tài sản cố định, Hợp đồng kinh tế...

- **Tài khoản sử dụng**

TK711- “ Thu nhập khác”

• Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.3: Kế toán thu nhập khác



1.2.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- **Khái niệm**

± **Chiết khấu thương mại:** Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

± **Hàng bán bị trả lại:** Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

± **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

± **Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp:** được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

$$\text{GTGT của hàng hóa, dịch vụ} = \text{Doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra} - \text{Giá vốn hàng hóa, dịch vụ bán ra}$$

- **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan

- **Tài khoản sử dụng**

± **Tài khoản 521 “ Chiết khấu thương mại”**

Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại có 3 tài khoản cấp 2

- Tài khoản 5211 – Chiết khấu hàng hóa
- Tài khoản 5212 – Chiết khấu thành phẩm
- Tài khoản 5213 – Chiết khấu dịch vụ

± **Tài khoản 531 “ Hàng bán bị trả lại”**

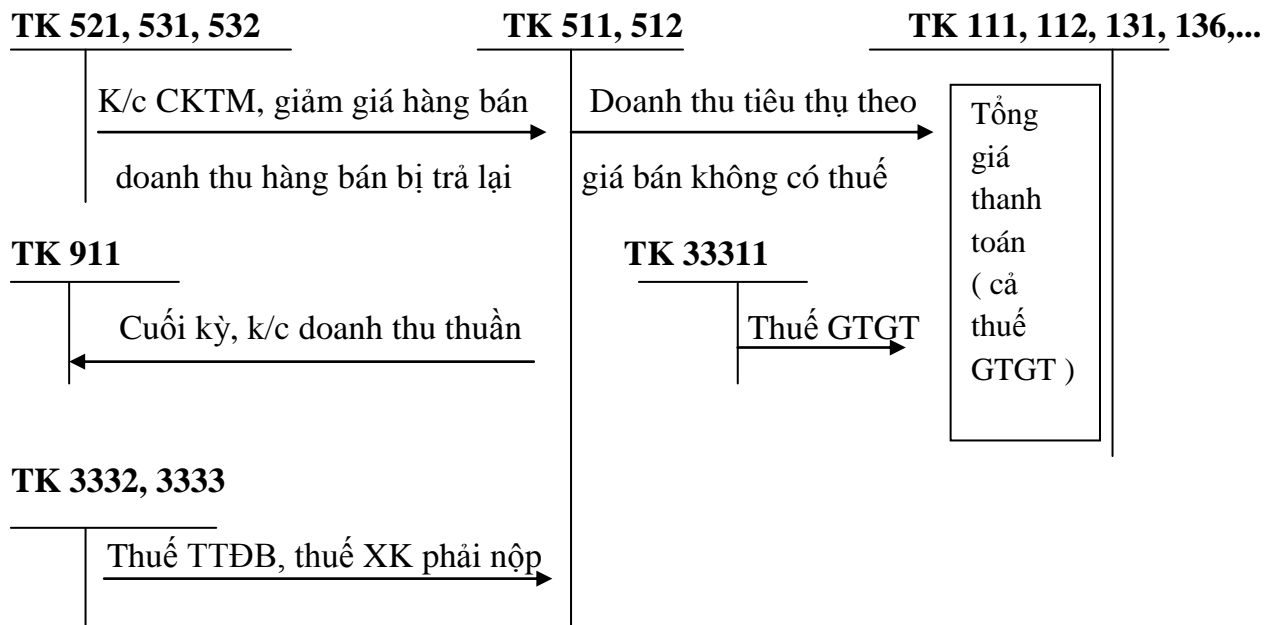
Tài khoản này phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân : vi phạm cam kết; vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng bị kém, mất phẩm chất; không đúng chủng loại, quy cách.

± **TK 532 – “ Giảm giá hàng bán”**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

▪ Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại



1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí

• **Khái niệm**

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

• **Khái niệm**

Giá vốn hàng bán: là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán

± *Phương pháp bình quân gia quyền:*

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

⇒ Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

- *Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:*

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP,HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP,HH thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

⇒ Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):* Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.
- *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):* Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị xuất kho được tính theo giá trị của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.
- *Phương pháp giá thực tế đích danh:*
Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

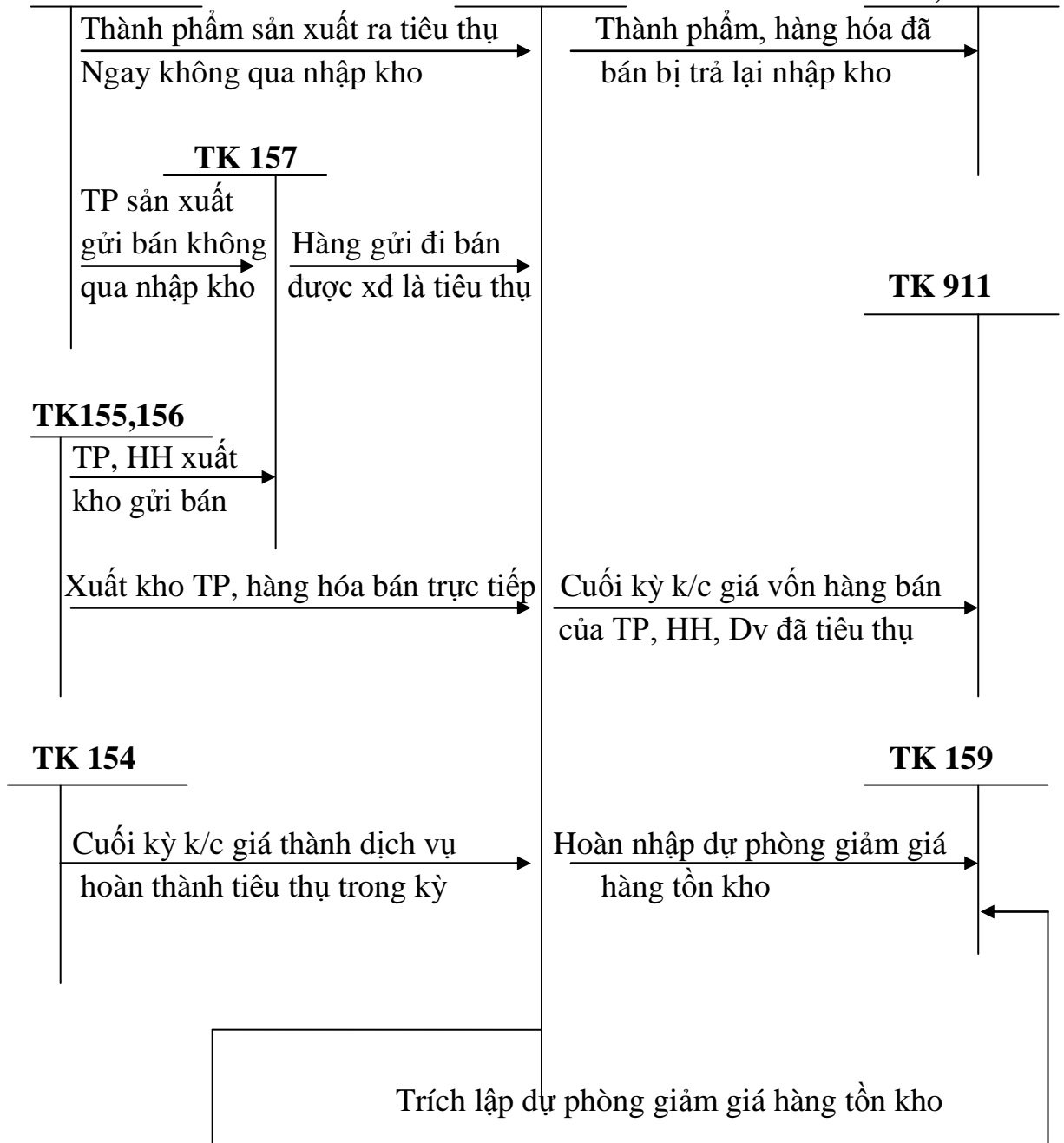
- **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

- **Tài khoản sử dụng :** Tài khoản 632 – “ Giá vốn hàng bán”

• Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.5: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên
TK154 TK632 TK155,156



1.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- **Khái niệm**

- **Chi phí bán hàng:** là khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng...
- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; các khoản trích theo lương; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp...

- **Chứng từ sử dụng**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTKT3/001)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – VT)
- Giấy báo nợ của ngân hàng

- **Tài khoản sử dụng**

± **TK 641 – “ Chi phí bán hàng” có 07 tài khoản cấp 2:**

- Tài khoản 6411 – Chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì
- Tài khoản 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Tài khoản 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6415 – Chi phí bảo hành
- Tài khoản 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418 – Chi phí bằng tiền khác

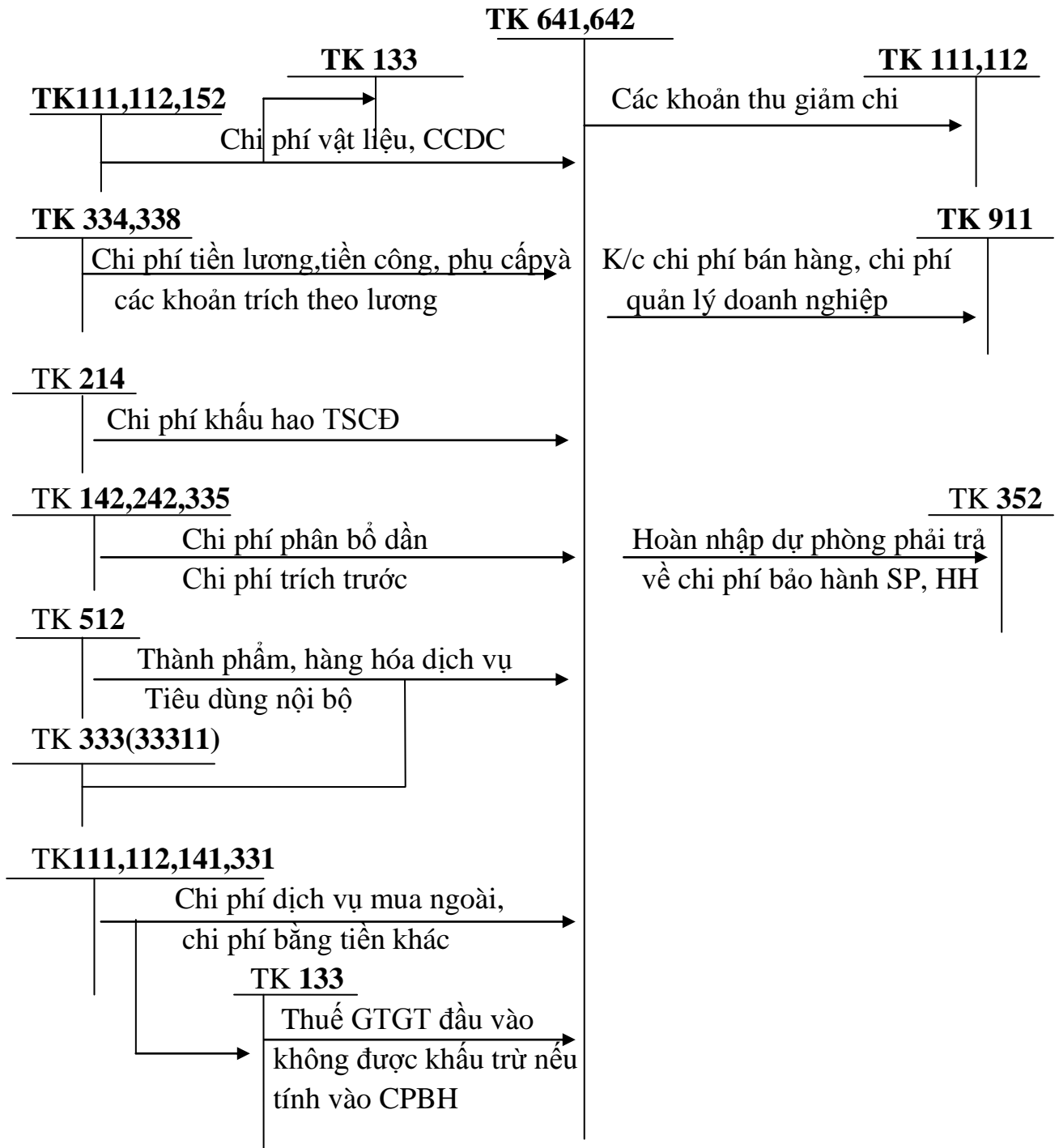
± **TK 642 – “ Chi phí quản lý doanh nghiệp” có 08 tài khoản cấp 2 :**

- Tài khoản 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- Tài khoản 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- Tài khoản 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- Tài khoản 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6425 – Thuế, phí và lệ phí
- Tài khoản 6426 – Chi phí dự phòng
- Tài khoản 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

- Tài khoản 6428 – Chi phí bằng tiền khác

• Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.2.3. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

• Khái niệm

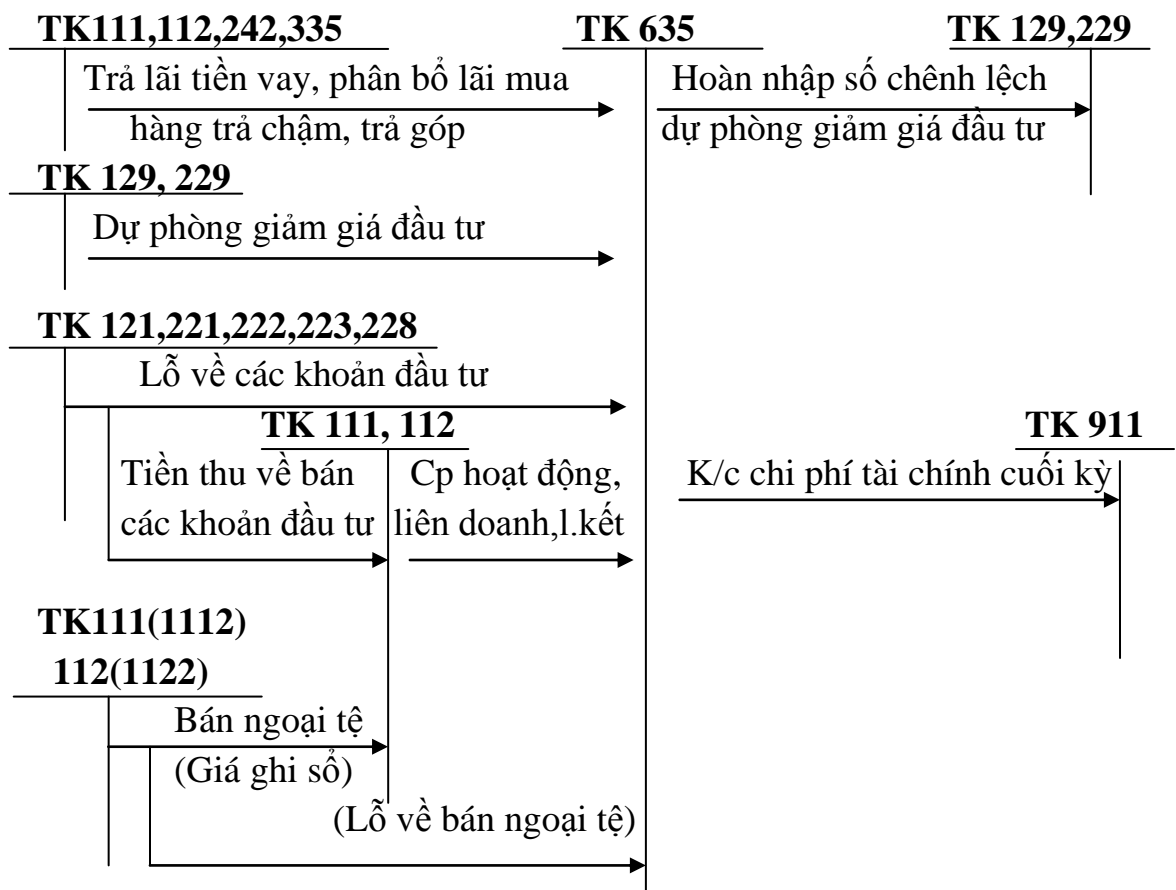
Chi phí hoạt động tài chính: phản ánh những khoản chi phí bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính,

Khóa luận tốt nghiệp

chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí gia dịch bán chứng khoán, lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.

- **Chứng từ sử dụng:**
 - Giấy báo nợ của ngân hàng
 - Hóa đơn giá trị gia tăng
 - Phiếu kế toán
 - Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan
- **Tài khoản sử dụng:** TK 635 – “Chi phí tài chính”
- **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.2.2.4. Kế toán chi phí khác

- **Khái niệm**

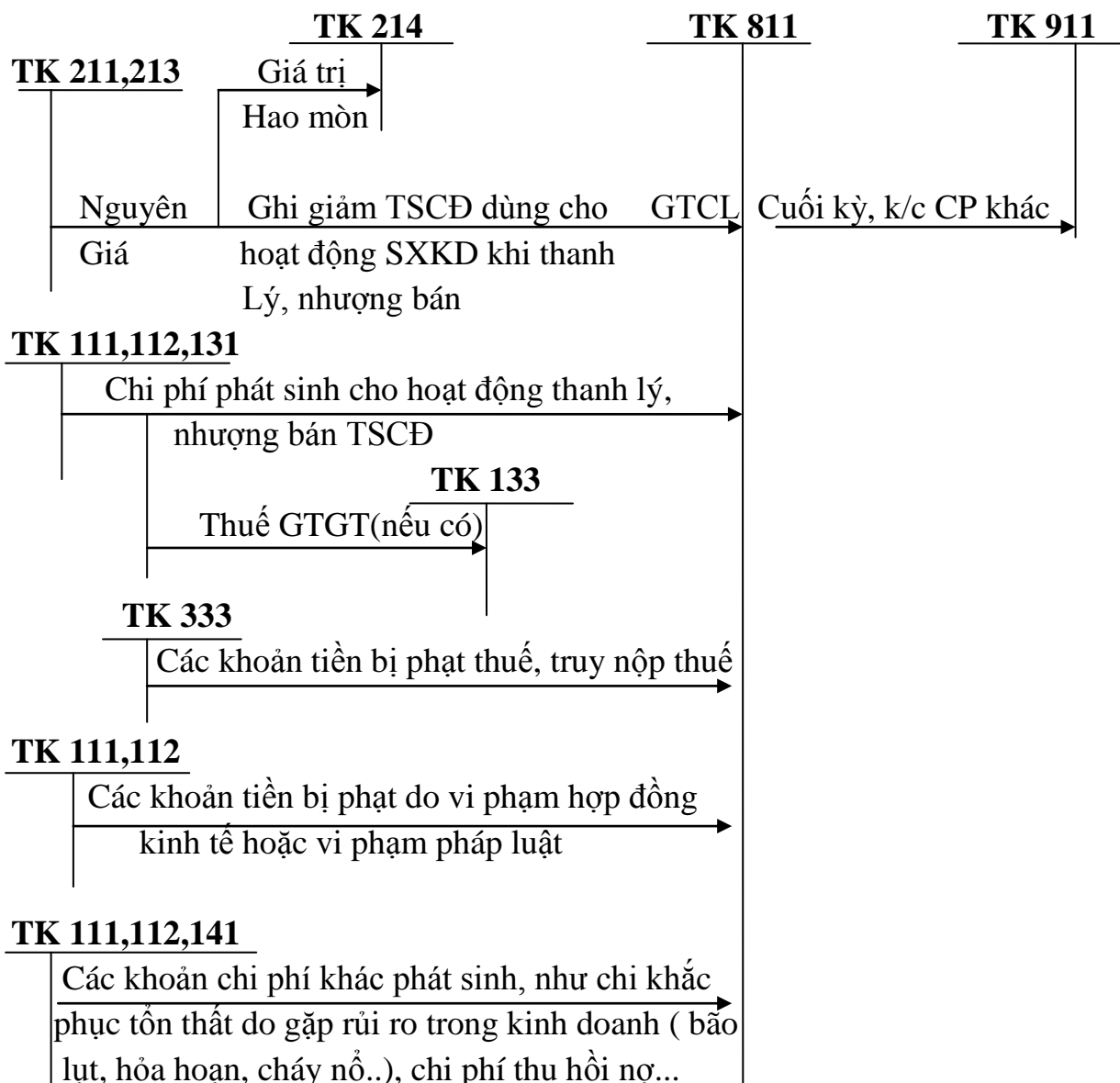
Chi phí khác: Là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có)

Khóa luận tốt nghiệp

- Tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- Các khoản chi phí khác
- **Chứng từ sử dụng:**
 - Hóa đơn GTGT
 - Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ của ngân hàng
 - Phiếu kế toán
 - Các chứng từ liên quan khác
- **Tài khoản sử dụng :** *Tài khoản 811 “ Chi phí khác”*
- **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí khác



1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

- **Khái niệm**

- **Kết quả hoạt động kinh doanh** là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của Dn. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

- ✓ **Hoạt động sản xuất kinh doanh** : là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

- ✓ **Hoạt động tài chính**: là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

- ✓ **Hoạt động khác**: là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

- *Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động:*

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Kết quả hoạt động SXKD = Dthu về cung cấp d.vu – Giá vốn hàng bán – Chi phí bán hàng – Chi phí QLDN

- **Kết quả hoạt động tài chính**

Kết quả hoạt động tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính + Kết quả hoạt động khác

- **Kết quả hoạt động khác**

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

- **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

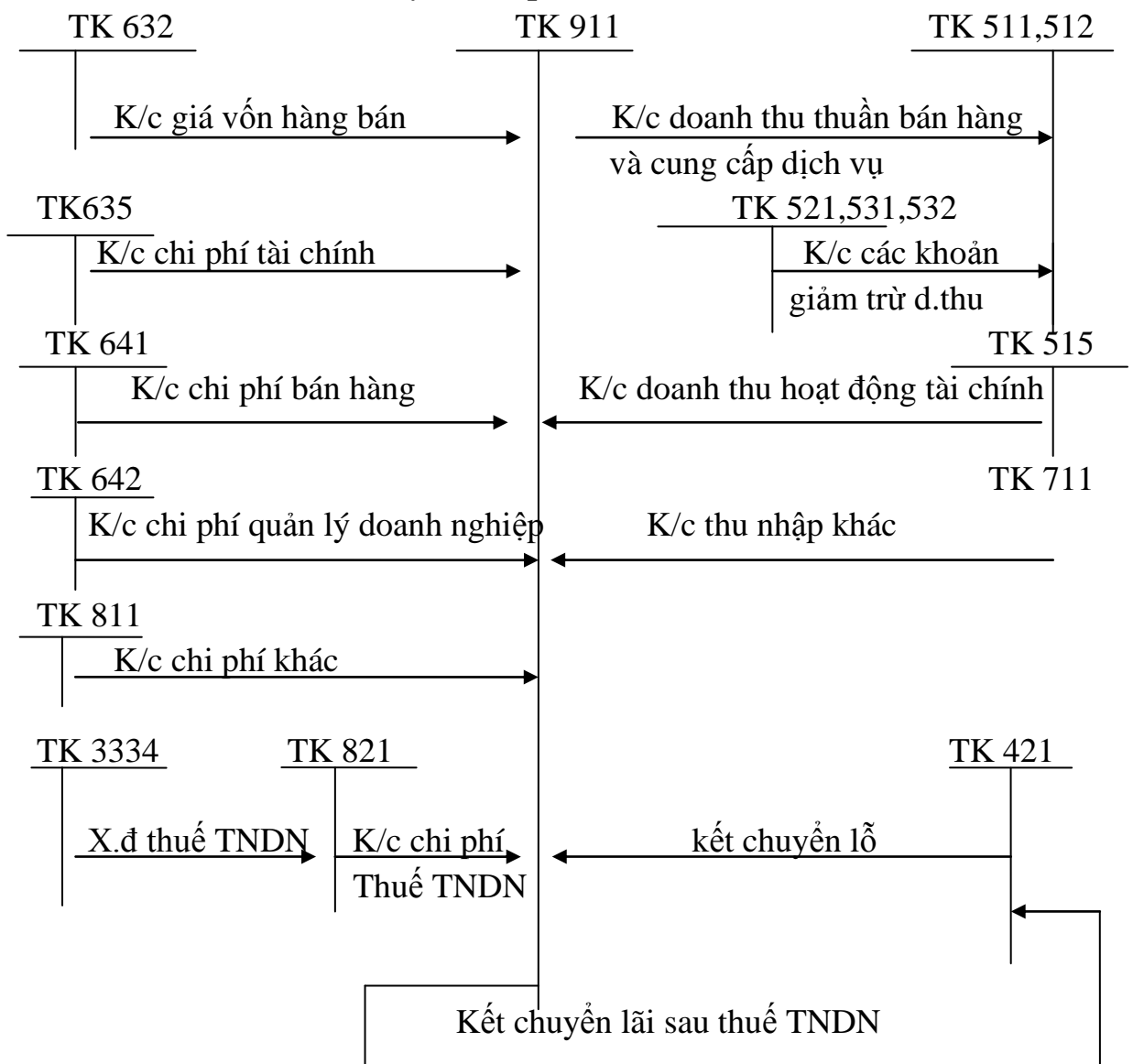
- **Tài khoản sử dụng**

- ± **Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”**

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ hạch toán.

- **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.10: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.3.NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị...

- Lựa chọn phương pháp và xác định vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Từ đó, đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi vốn kịp thời.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn.

1.4.TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

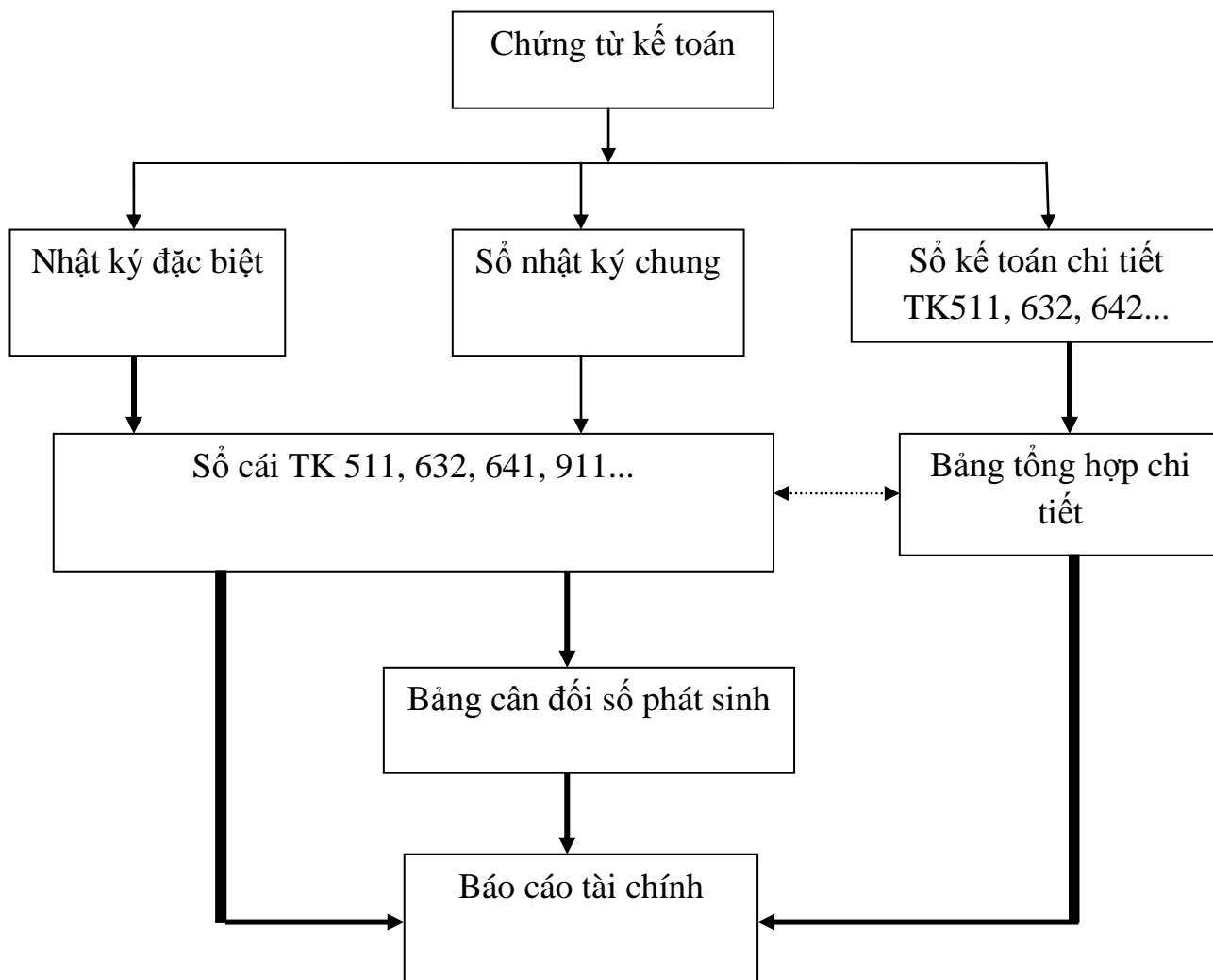
❖ Hình thức Nhật ký chung:

± **Đặc trưng cơ bản:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế(định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

± Các loại sổ chủ yếu:

- ✓ Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt;
- ✓ Sổ cái;
- ✓ Các sổ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.11: Trình tự kế toán theo hình thức sau Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cp đồ hộp Hạ Long

- Nhà máy cá hộp Hạ Long được xây dựng từ năm 1957 do Liên Xô cũ viện trợ, là một trong những cơ sở công nghiệp đầu tiên tại miền Bắc.

- Ngày 6/1977 đổi tên thành Nhà Máy Chế biến Thủy sản Hải Phòng, là thành viên và là cơ sở để thành lập Xí nghiệp Liên hợp Thủy sản Hạ Long, Hải Phòng.

- Ngày 17/6/1989 trở lại tên Nhà máy cá hộp Hạ Long với chiến lược sản xuất tập trung chủ yếu vào sản phẩm đồ hộp.

- Ngày 24/8/1991 tách khỏi Xí nghiệp liên hợp Thủy sản trở thành một doanh nghiệp độc lập với đầy đủ tư cách pháp nhân và đổi tên thành Công ty Đồ hộp Hạ Long.

- Năm 1996 trở thành một đơn vị thuộc Tổng công ty Thủy sản Việt Nam (Seaprodex).

- Ngày 31/12/1998, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định chuyển Công ty đồ hộp Hạ Long thành Công ty Cổ phần đồ hộp Hạ Long. Tại thời điểm thành lập:

Vốn Nhà nước (Tổng công ty Thủy sản Việt Nam nắm giữ) : 40,8%

Vốn nước ngoài (Anh) : 26,3%

Còn lại là cổ đông thể nhân trong nước.

Tên giao dịch chính thức của công ty là :

HALONG CANNED FOOD STOCK CORPARATION

viết tắt là : HALONG CANFOCO.

- Ngày 01/04/1999 trở thành Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long (Halong Canfoco) theo quyết định số 256/1998QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 31/12/1998.

- Công ty bắt đầu niêm yết với mã chứng khoán CAN ngày 18/10/2001 tại sàn giao dịch chứng khoán T.P Hồ Chí Minh. Tổ chức kiểm toán năm gần nhất (2006): Công ty dịch vụ Tư vấn Tài chính và Kiểm toán AASC.

Khóa luận tốt nghiệp

Nhóm ngành:	Chế biến thực phẩm
Vốn điều lệ:	50.000.000.000 đồng
KL CP đang niêm yết:	5.000.000 cp
KL CP đang lưu hành:	4.999.880 cp
Địa chỉ:	71 Lê Lai – Ngô Quyền – Hải Phòng
Giấy phép thành lập:	256/QĐ-TTg (31/12/1998)
Giấy phép kinh doanh:	55595 (05/03/1999)
Mã số thuế:	0200344752
Tel:	84-(31) 3836 555
Fax:	84-(31) 3836 555
Email:	halong@canfoco.com.vn

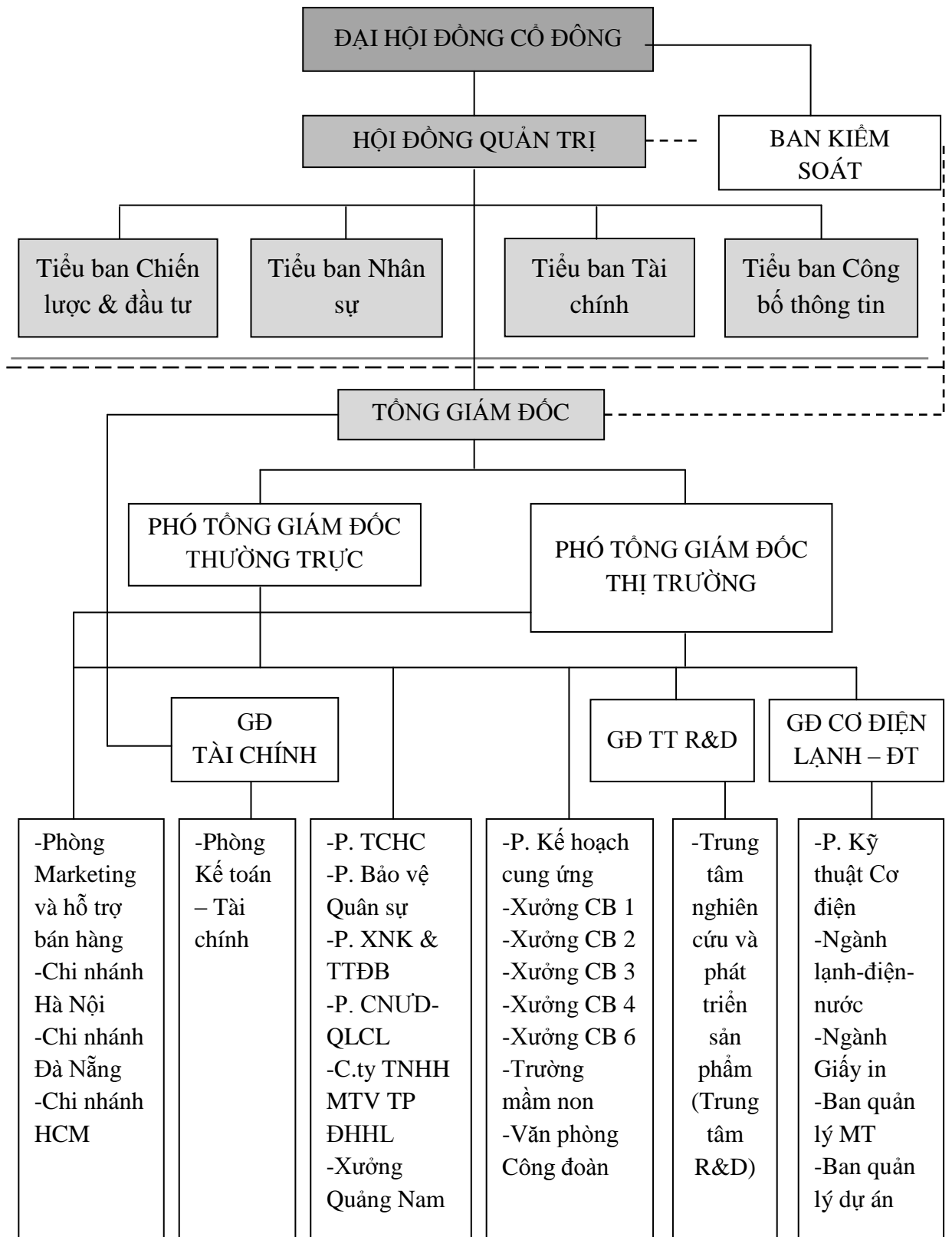
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty CP đồ hộp Hạ Long

- ❖ Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long hoạt động với các ngành nghề kinh doanh như sau:
 - Sản xuất các chế phẩm từ rong biển, các chế phẩm đặc biệt có nguồn gốc tự nhiên như dầu cá.
 - Kinh doanh XNK trực tiếp (Xuất: thủy, hải sản, súc sản đông lạnh, thực phẩm đóng hộp, hàng công nghệ phẩm; Nhập: các thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm phục vụ SXKD).
 - Liên doanh, cho thuê mặt bằng, kinh doanh dịch vụ tổng hợp khác.
 - Kinh doanh xăng dầu, ga và khí hóa lỏng.
 - Cho thuê kho tàng, bến bãi, nhà văn phòng làm việc.
 - Trong đó, ngành nghề sản xuất chính của công ty là :
 - + Sản xuất các sản phẩm thực phẩm đóng hộp. Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản, nông sản, thực phẩm.
 - + Sản xuất kinh doanh các sản phẩm thực phẩm chế biến, thực phẩm tươi sống, thực phẩm đặc sản, thức ăn nhanh và các sản phẩm thức ăn chăn nuôi.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến – chức năng, thể hiện qua sơ đồ 2.1

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty CP đồ hộp Hạ Long



❖ Chức năng từng bộ phận:

Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- Thông qua định hướng phát triển của công ty.
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị theo tỷ lệ % trong Điều lệ công ty trên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty.
- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty.

Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Ban kiểm soát: là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong điều hành hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhằm bảo đảm lợi ích cho các cổ đông.

Tổng Giám đốc: là người điều hành và có quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Có 1 Phó Tổng Giám đốc và 03 Giám đốc: Giám đốc Tài chính, Giám đốc TT R&D, Giám đốc Cơ điện lạnh – Đt là người giúp việc cho Tổng

Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về việc phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và điều lệ của Công ty.

Các phòng ban và chi nhánh trực thuộc:

Các chi nhánh được kinh doanh thêm những mặt hàng phù hợp với quy định trong Giấy phép kinh doanh của Công ty, chấp hành các nội quy, quy chế và sự phân cấp của Công ty, pháp luật Nhà nước.

- Xưởng Nha Trang, Quảng Nam là những đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện chế độ hạch toán báo sổ có nhiệm vụ tổ chức liên kết kinh doanh sản xuất, thu gom, sơ chế và cung ứng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của Công ty;
- Các chi nhánh Hà Nội, Đà Nẵng, Tp Hồ Chí Minh là các đơn vị hạch toán phụ thuộc có nhiệm vụ tiêu thụ sản phẩm, cung ứng nguyên vật liệu cho công ty;
- Công ty TNHH một thành viên Thực phẩm đồ hộp Hạ Long được tách ra từ Chi nhánh Hồ Chí Minh; Công ty TNHH một thành viên thương mại đồ hộp Hạ Long là đơn vị hạch toán độc lập.

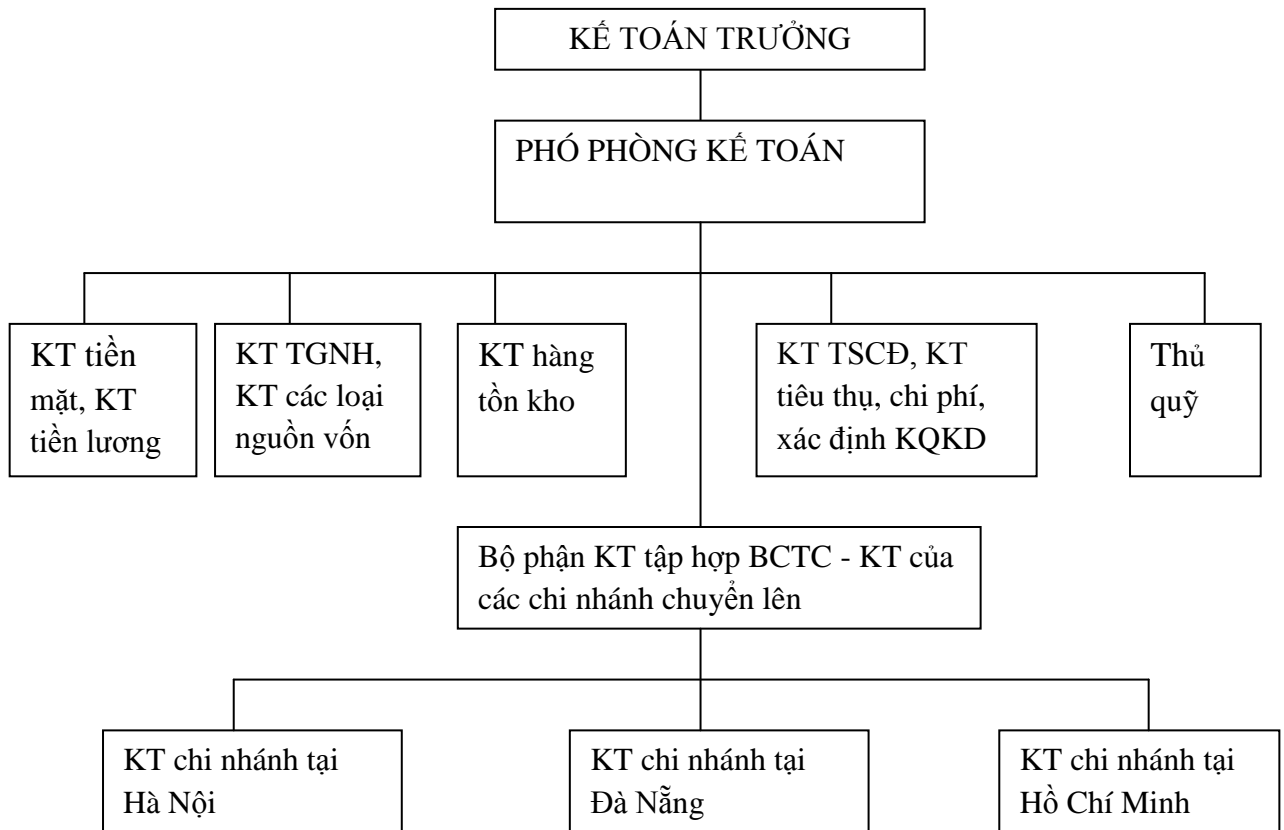
Các phân xưởng sản xuất chế biến được tổ chức theo từng ngành hàng, đứng đầu là các Quản đốc, có nhiệm vụ triển khai, tổ chức sản xuất theo yêu cầu của Ban Giám đốc. Các phân xưởng phụ trợ, các kho hàng là các đơn vị đảm bảo cho việc tổ chức sản xuất được hoàn thiện.

2.1.4. Đặc điểm của tổ chức kế toán tại công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán công ty CP đồ hộp Hạ Long được tổ chức theo mô hình phân tán, phân thành cấp: kế toán ở văn phòng công ty và kế toán tại các chi nhánh.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty đồ hộp Hạ Long



Trong phòng Kế toán – Tài chính có 06 cán bộ công nhân viên. Các thành viên đảm nhận một hoặc nhiều thành phần kế toán, cụ thể như sau:

❖ **Kế toán trưởng** : là người đứng đầu phòng tài chính kế toán, chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị, các cổ đông, giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty đơn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành. Kế toán trưởng cũng là người đảm nhận phần hành KT CP SX và giá thành SP, có trách nhiệm tập hợp các chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm. Đồng thời cũng là người lập báo cáo tài chính của công ty.

❖ **Phó phòng Kế toán – Tài chính** đảm nhận phần hành kế toán Tài sản cố định và Kế toán doanh thu, chi phí xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

- ✓ Kế toán tài sản cố định: có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng, giảm của tài sản cố định và sự biến động của các khoản đầu tư

dài hạn. Từ đó công ty có biện pháp cụ thể với các khoản đầu tư dài hạn.

- ✓ Kế toán doanh thu, chi phí, xác định và phân phối kết quả kinh doanh: theo dõi, ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, thu nhập, GVHB, chi phí. Cuối mỗi năm, kết chuyển doanh thu, thu nhập, chi phí để xác định kết quả kinh doanh và phân phối KQKD theo chế độ của công ty.

❖ **Nhân viên đảm nhận phần hành KT vốn bằng tiền và KT tiền lương:**

- ✓ Kế toán vốn bằng tiền : Phản ánh chính xác, kịp thời những khoản thu, chi và tình hình tăng giảm, thừa thiếu của từng loại vốn bằng tiền. Đồng thời hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ. Kiểm tra thường xuyên, đối chiếu số liệu của thủ quỹ với kế toán tiền mặt để đảm bảo tính cân đối thống nhất.
- ✓ Kế toán tiền lương : làm nhiệm vụ tính tiền lương bao gồm lương cơ bản, lương bổ sung cho CB,CNV trong công ty theo những quy định chung. Đồng thời tính các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN)

❖ **Kế toán hàng tồn kho:** có trách nhiệm quản lý, thống kê, theo dõi số lượng vật tư nhập, xuất, tồn. Kiểm tra đối chiếu từng chủng loại vật tư, việc thực hiện mức tiêu hao nguyên vật liệu. Hàng tháng tiến hành ghi sổ các vật tư nhập và xuất.

❖ **Nhân viên đảm nhận phần hành Kế toán TGNH và Kế toán các loại nguồn vốn:**

- ✓ Kế toán các loại nguồn vốn: chịu trách nhiệm về các nghiệp vụ liên quan đến vay, nợ ngân hàng, phải trả người bán, các nguồn vốn của công ty.
- ✓ Kế toán TGNH: chịu trách nhiệm về các nghiệp vụ liên quan đến TGNH.

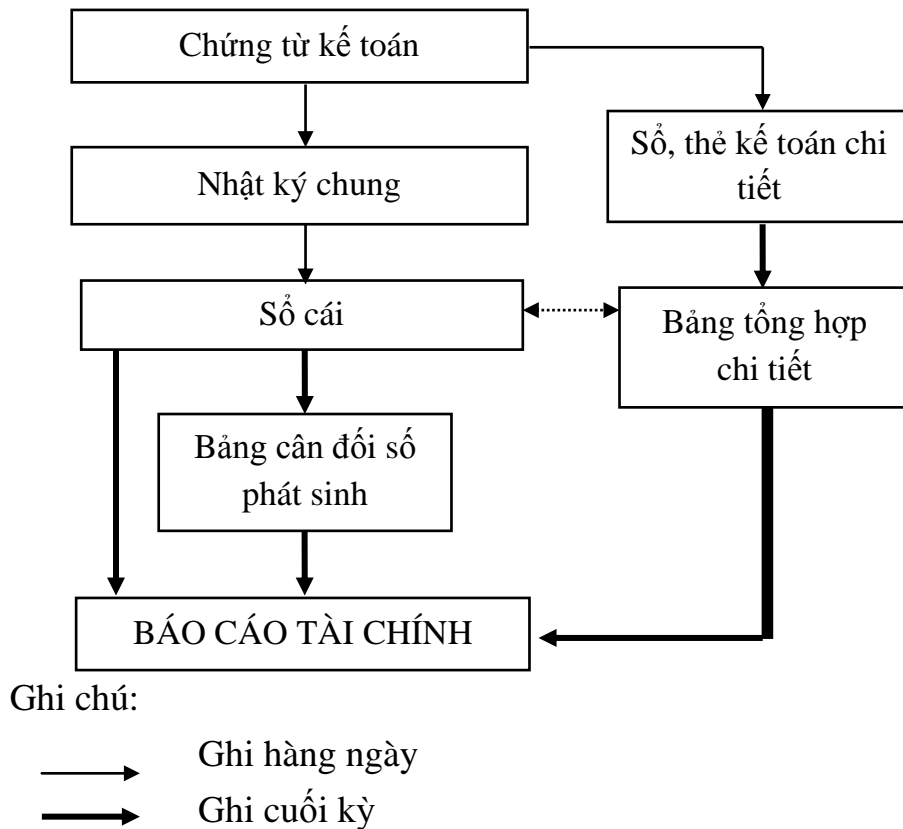
❖ **Thủ quỹ:** Chịu trách nhiệm bảo quản tiền mặt, thực hiện thu, chi các chứng từ thanh toán đã được phê duyệt, thu tiền hàng, tiền cước phí bến bãi, trả lương cho CB-CNV.

❖ **Kế toán tại các chi nhánh :** có nhiệm vụ lập báo cáo tài chính, ghi sổ quyết toán theo quy định rồi gửi về công ty mẹ để tổng hợp.

2.1.4.2. Hình thức kế toán, chế độ kế toán, phương pháp kế toán áp dụng tại công ty CP đồ hộp Hạ Long.

- Niên độ kế toán của công ty là một năm, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi bổ sung theo thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
- Đơn vị tiền tệ : công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.
- Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.
- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định: Khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản.
- Kế toán hàng tồn kho: áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.
- Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long được hợp nhất từ báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty con theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 (Ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ tài chính) và thông tư số 23/2005/TT-BTC.
- Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con đều gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh báo cáo tài chính.
- Hệ thống sổ sách mà công ty hiện đang dùng:
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái các tài khoản
 - Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 2.3. Quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản sao cho phù hợp. Đồng thời từ các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ chi tiết. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ chi tiết tài khoản kế toán tiến hành lập Bảng tổng hợp chi tiết, sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

2.2.THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HA LONG.

2.2.1.Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác tại công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long.

2.2.1.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long

- **Chứng từ sử dụng:**
 - Hóa đơn giá trị gia tăng

- Hợp đồng mua bán, đơn đặt hàng
- Phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ liên quan khác

- **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

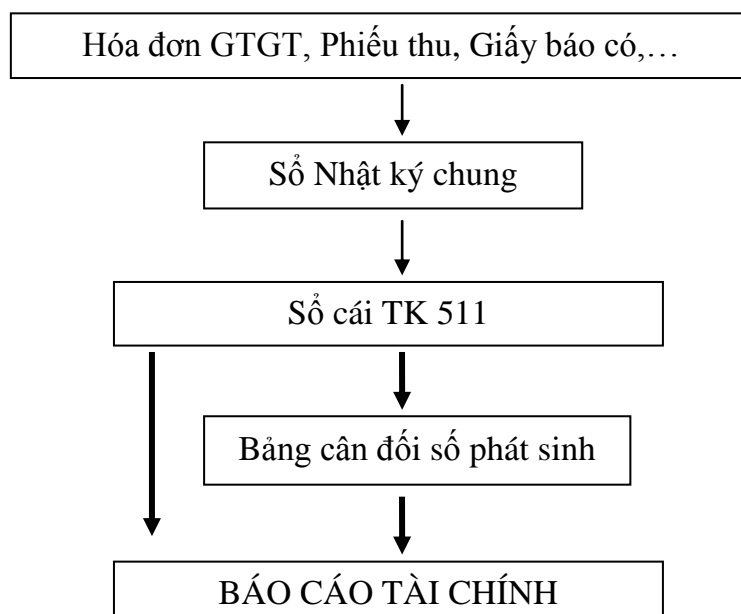
- **Phương thức bán hàng:**

- Bán hàng trực tiếp

- **Hình thức thanh toán:**

- Tiền mặt
- Chuyển khoản

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối kỳ

Hàng ngày căn cứ vào những chứng từ gốc, kế toán ghi số liệu, các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật Ký chung. Sau đó căn cứ vào những số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái tài khoản 511 và các tài khoản liên quan. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh, Sổ cái được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

VÍ DỤ: Ngày 27 tháng 12 năm 2013, bán hàng cho Chị Vân theo HĐ số 0005623, tổng số tiền 71.280.000, chưa thu tiền.

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT 0005623 (biểu số 2.2.1.1) kế toán ghi chép vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.1.3), từ đó bút toán này được ghi vào Sổ cái TK 511 (biểu số 2.2.1.4), TK 131, TK 3331.
- Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ Sổ cái và bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.1.1

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3 : Nội bộ Ngày 27 tháng 12 năm 2013		Mẫu số 01 GTKT3/001 Ký hiệu : HL/13P Số : 0005623			
Đơn vị bán hàng : Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long Địa chỉ : Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng Số tài khoản : Điện thoại : 0313836692 ; 0313836839 MST: 0200344752					
Họ tên người mua hàng : Tên đơn vị : Phạm Thị Hồng Vân Mã số thuế: 5700253799 Địa chỉ : số 5 Hồng Ngọc, P Bạch Đằng, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh Hình thức thanh toán : Chuyển khoản Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Xúc xích EVD bò túi, 10 cái/ túi	túi	1.400	22.368	31.315.200
2	Xúc xích EVD heo túi, 10 cái/ túi	túi	1.600	20.928	33.484.800
Cộng tiền hàng: 64.800.000					
Thuế suất GTGT 10%				Tiền thuế GTGT: 6.480.000	
Tổng cộng tiền thanh toán : 71.280.000					
Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi một triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng chẵn ./					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.1.2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/u	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
.....
12/12/13	PC2530	12/12	CP tiếp khách			642 133 111	3.250.000 325.000	3.575.000
.....
27/12/13			Bán hàng cho đại lý Hồng Vân					
27/12/13	PX2392	27/12	Giá vốn			632 155	60.759.200	60.759.200
27/12/13	HD 0005623	27/12	Giá bán			131 511 3331	71.280.000	64.800.000 6.480.000
....
31/12/13	BPBKH T12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ bộ phận bán hàng T12			641 214	52.845.226	52.845.226
.....
			Cộng số phát sinh năm				4.014.766.124.862	4.014.766.124.862

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.1.3

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu : 511

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh					
.....
13/12/13	PT1372	13/12	Bán hàng cho đại lý Vinamilk			111		6.345.655
13/12/13	PT1373	13/12	Bán hàng cho cửa hàng Văn Văn			111		6.992.000
13/12/13	PT1374	13/12	Bán hàng cho khách lẻ			111		2.710.400
.....
27/12/13	HD0005623	27/12	Bán hàng cho đại lý Hồng Vân			131		64.800.000
.....
31/12/13	PKT371	31/12	Kết chuyển DT bán hàng			911	73.873.330.225	
			Cộng số phát sinh				73.873.330.225	73.873.330.225
			Số dư cuối năm					

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.1.2. Kế toán doanh thu nội bộ

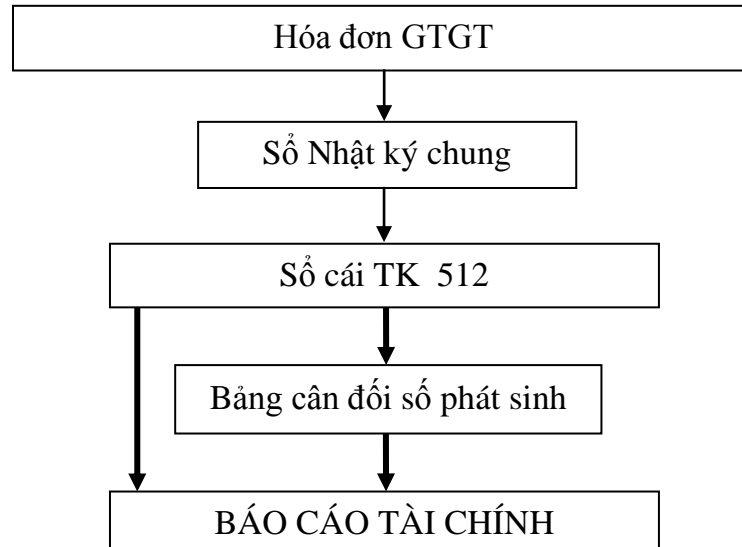
❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng

❖ Tài khoản sử dụng:

512 : Doanh thu nội bộ

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng nội bộ tại công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long



Ghi chú:

————→ Ghi hàng ngày

————→ Ghi cuối kỳ

Hàng ngày căn cứ vào những chứng từ gốc, kế toán ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật Ký chung. Sau đó căn cứ vào những số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái tài khoản 512 và các tài khoản liên quan. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh, Sổ cái kế toán lập Báo cáo tài chính.

VÍ DỤ : Ngày 3/12/2013, Công ty CP ĐHHL bán hàng cho chi nhánh của công ty tại Hà Nội. Giá bán chưa thuế GTGT 10% là 203.327.500 VNĐ.

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0004918 (biểu số 2.2.1.2.1), kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.1.2.2) , từ đó ghi vào Sổ cái TK 512(biểu số 2.2.1.2.3) và các sổ cái có liên quan.
- Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ Sổ cái và Bảng cân đối phát sinh được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.1.2.1

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3 : Nội bộ Ngày 03 tháng 12 năm 2013		Mẫu số 01 GTKT3/001 Ký hiệu : HL/13P Số : 0004918			
Đơn vị bán hàng : Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long Địa chỉ : Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng Số tài khoản : Điện thoại : 0313836692 ; 0313836839 MST: 0200344752					
Họ tên người mua hàng : Anh Tùng Tên đơn vị : Chi nhánh cty CP Đồ Hộp Hạ Long tại Hà Nội Địa chỉ : Số 10 Chương Dương Độ, Hà Nội Số tài khoản : Hình thức thanh toán : Hạn thanh toán 30 ngày MS :					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Xúc Xích EVD heo túi, 10c/túi	túi	2.000	20.928	41.856.000
2	Thịt bò xay 170gr	hộp	1.500	17.800	26.700.000
3	Cá ngừ ngâm dầu Hạ Long 175gr	hộp	2.200	24.655	54.241.000
4	Thịt lợn hấp Hạ Long 175gr	hộp	1.800	25.460	45.828.000
5	Thịt lợn xay 170gr	hộp	2.100	16.525	34.702.500
Cộng tiền hàng: 203.327.500					
Thuế suất GTGT 10%			Tiền thuế GTGT: 20.332.750		
Tổng cộng tiền thanh toán : 223.660.250					
Số tiền viết bằng chữ : Hai trăm hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi ngàn hai trăm năm mươi đồng chẵn./					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.1.2.2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính VND

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
							
			Bán hàng cho CN cty tại Hà Nội					
03/12/13	PX1720	03/12	-Giá vốn			632 155	183.620.400	183.620.400
03/12/13	HD0004 918	03/12	-Giá bán			136 512 3331	223.660.250	203.327.500 20.332.750
.....
27/12/13			Bán hàng cho đại lý Hồng Vân					
27/12/13	PX2392	27/12	Giá vốn			632 155	60.759.200	60.759.200
27/12/13	HD 0005623	27/12	Giá bán			131 511 3331	71.280.000	64.800.000 6.480.000
....
31/12/13	BPBKH T12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ bộ phận bán hàng T12			641 214	52.845.226	52.845.226
							
			Cộng số phát sinh năm				4.014.766.124.862	4.014.766.124.862

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.1.2.3

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013
Tên tài khoản : Doanh thu bán hàng nội bộ
Số hiệu: 512

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/u	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh					
.....
03/12/13	HD0004918	03/12	Bán hàng cho CN cty tại Hà Nội			136		203.327.500
03/12/13	HD0004919	03/12	Bán hàng cho CN cty tại TP Hồ Chí Minh			136		30.423.260
03/12/13	HD0004920	02/12	Bán hàng cho CN cty tại Đà Nẵng			136		11.276.572
.....
31/12/13	PKT371	31/12	Kết chuyển DT bán hàng nội bộ			911	190.158.217.016	
			Cộng số phát sinh				190.158.217.016	190.158.217.016
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính tại công ty chủ yếu là lãi tiền gửi.

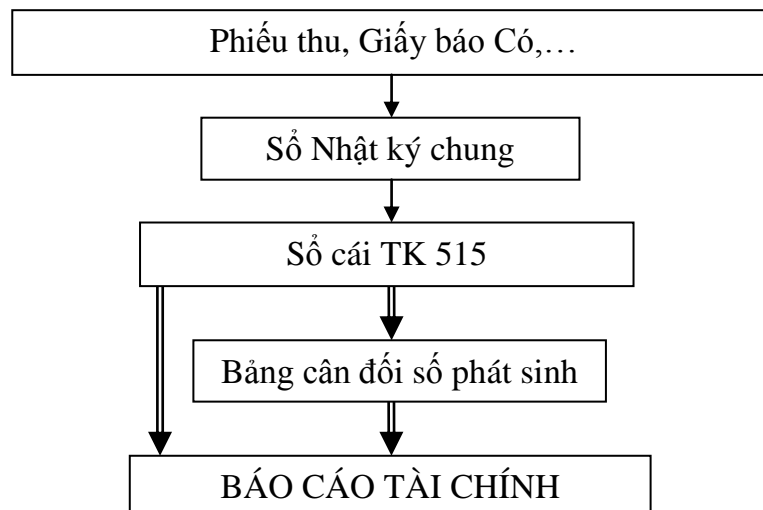
❖ **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo lãi
- Phiếu thu, giấy báo có
- Sổ phụ

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán Doanh thu hoạt động tài chính tại công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối kỳ

Hàng ngày căn cứ vào những chứng từ gốc đã kiểm tra , kế toán ghi số liệu, các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật Ký chung. Sau đó căn cứ vào những số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái tài khoản 515 và các tài khoản liên quan.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh, Sổ cái được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

VÍ DỤ: Ngày 27/12/2013, ngân hàng Thương mại Cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam (Việt Nam Eximbank) trả lãi tiền gửi tháng 12 năm 2013. Số tiền là 10.375.670 VNĐ.

- Căn cứ vào giấy báo có (biểu số 2.2.1.3.1), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung(biểu số 2.2.1.3.2). Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 515 (biểu số 2.2.1.3.3) và các sổ cái liên quan.
- Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.1.3.1

NH TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Vietnam Eximbank)
Hội sở /Chi nhánh (HO/Branch) : EIB HAI PHONG
Địa chỉ (Address) : 32 Tran Phu, Quan Ngo Quyen, TP. Hai Phong
MS Thuế (Tax code) : 0301179079-016
TEL: 84.0313.757578
FAX: 84.0313.757571

Số BT(Entry No.) PTHANH(Ký hiệu HD)
131227-40

GIẤY BÁO (ADVICE)

Tên khách hàng (Customer Name) : CONG TY CO PHAN DO HOP HA LONG

Mã số khách hàng (CIF No.) : 1603-103352398

Địa chỉ (Address) :

Mã số thuế (Tax code) : 0200344752

Ngày (Created Date) : 27/12/13

Ngày HL (Value Date): 27/12/13

Chúng tôi xin thông báo (Please advise that)

Chúng tôi đã ghi Nợ tài khoản của Quý khách/ đã nhận bằng tiền mặt số tiền như sau :
We have debited your account/ or received by cash, the following amount:

Chúng tôi đã ghi Có tài khoản của Quý khách / đã nhận bằng tiền mặt số tiền như sau:
We have credited your account/ or paid by cash, the following amount :

NỘI DUNG (Description)	Outward Remittance T/T		
TÀI KHOẢN (A/C No.)	160314851003452	SỐ THAM CHIẾU (Reference No.)	1603-STT-130035065

CHI TIẾT (Item)	Số tiền (Amount)		GHI CHÚ (Remark)
Lãi tiền gửi tháng 12	VND	10.375.670	Lãi nhập vốn
Total amount	VND	10.375.670	
Số tiền bằng chữ (Amount in words)	Mười triệu ba trăm bảy mươi năm ngàn sáu trăm bảy mươi đồng.		
Beneficiary : Remark : Ngân hàng trả lãi tiền gửi tháng 12			

TTV giữ tài khoản (File Keeper) : PHẠM THI THU

Người lập BT(Original entry): **TRAN NGOC ANH** Người phê duyệt (Checked by): **VU THI LUYEN**

Thanh toán viên
(Printed by)

Kiểm soát
(Checked by)

Giám đốc
(Approved by)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.1.3.2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính VND

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
							
12/12/13	PC2530	12/12	CP tiếp khách			642 133 111	3.250.000 325.000	3.575.000
.....
27/12/13	EIB2712 2013	27/12	NH trả lãi tiền gửi T12			112 515	10.375.670	10.375.670
			Bán hàng cho đại lý Hồng Vân					
27/12/13	PX2392	27/12	Giá vốn			632 155	60.759.200	60.759.200
27/12/13	HĐ 0005623	27/12	Giá bán			131 511 3331	71.280.000	64.800.000 6.480.000
....
31/12/13	BPBKH T12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ bộ phận bán hàng T12			641 214	52.845.226	52.845.226
							
			Cộng số phát sinh năm				4.014.766.124.862	4.014.766.124.862

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.1.3.3

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013
Tên tài khoản : Doanh thu hoạt động tài chính
Số hiệu : 515

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/u	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh					
							
26/12/13	VCB26122013	26/12	NH trả lãi tiền gửi T12			112		1.110.112
27/12/13	EIB27122013	27/12	NH trả lãi tiền gửi T12			112		10.375.670
29/12/13	ACB29122013	29/12	NH trả lãi tiền gửi T12			112		250.046
31/12/13	INDO31122013	31/12	NH trả số lãi tiền gửi T12			112		1.693.044
							
31/12/13	PKT371	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			911	338.255.690	
			Cộng số phát sinh				338.255.690	338.255.690
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác của công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long chủ yếu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu từ bán vật tư, phế liệu.

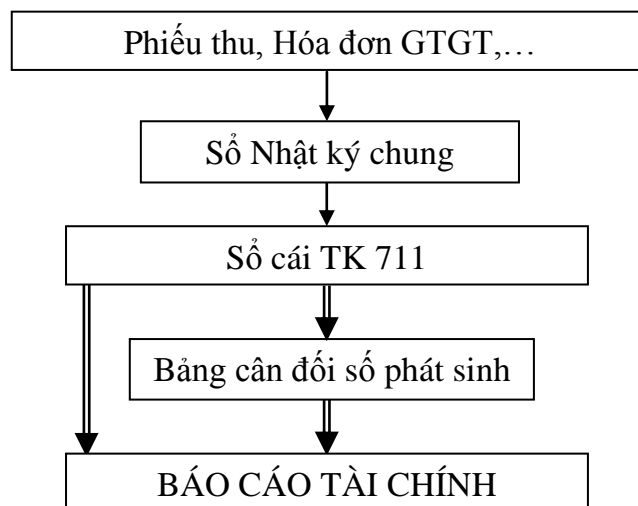
❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ có liên quan khác

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 711

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán Thu nhập khác của công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối kỳ

Hàng ngày căn cứ vào những chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật Ký chung. Sau đó căn cứ vào những số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái tài khoản 711 và các tài khoản liên quan.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh, Sổ cái được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

VÍ DỤ: Ngày 29/12/2013, công ty CP Đồ hộp Hạ Long bán phế liệu cho chị Hương. Giá bán chưa thuế GTGT 10% là 217.600, đã thu bằng tiền mặt.

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0005676(biểu số 2.2.1.4.1) và Phiếu thu số 1852 (biểu số 2.2.1.4.2), kế toán ghi chép nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.1.4.3), từ Sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 711(biểu số 2.2.1.4.4) và các sổ cái liên quan.
- Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ sổ cái và bảng cân đối được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.1.4.1

Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: HL/13P Số: 0005676					
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3 : Nội bộ Ngày 29 tháng 12 năm 2013					
Đơn vị bán hàng : Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long					
Địa chỉ: Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng.					
Số tài khoản :					
Điện thoại : 0313836692 ; 0313836839			MST : 0200344752		
Họ tên người mua hàng : Chị Hương					
Tên đơn vị :					
Địa chỉ : Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : Tiền mặt			MST :		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Phế liệu thực phẩm	Kg	68	3.200	217.600
Cộng tiền hàng :					217.600
Thuế suất GTGT 10%		Tiền thuế GTGT :			21.760
Tổng cộng tiền thanh toán :					239.360
Số tiền viết bằng chữ : Hai trăm ba mươi chín ngàn ba trăm sáu mươi đồng chẵn./					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.2.1.4.2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 01-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU Số : 1852

Ngày 29 tháng 12 năm 2013

Họ và tên người nộp tiền : chị Hương

Địa chỉ : *Hải Phòng*

Lý do nộp : *Thanh toán tiền phế liệu*

Số tiền bằng số : 239.360VNĐ

Số tiền bằng chữ: Hai trăm ba mươi chín ngàn ba trăm sáu mươi đồng chẵn./

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền: 239.360đ

Ngày 29 tháng 12 năm 2013

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nộp tiền Thủ quỹ

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.1.4.3

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính VND

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/r	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
							
12/12/13	PC2530	12/12	CP tiếp khách			642 133 111	3.250.000 325.000	3.575.000
.....
			Bán phế liệu					
29/12/13	PX 2547	29/12	Chi phí khác			811 152	217.600	217.600
29/12/13	PT1852	29/12	Thu nhập khác			111 711 3331	239.360	217.600 21.760
....
31/12/13	BPBKHT12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ bộ phận bán hàng T12			641 214	52.845.226	52.845.226
							
			Cộng số phát sinh năm				4.014.766.124.862	4.014.766.124.862

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.1.4.4

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03ab- DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản : Thu nhập khác

Số hiệu : 711

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK d/tr	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh					
							
22/12/13	PT1656	22/12	Bán phế liệu			111		82.810
27/12/13	PT1782	27/12	Bán phế liệu			111		5.563.282
.....
29/12/13	PT1852	29/12	Bán phế liệu			111		217.600
31/12/13	PKT371	31/12	Kết chuyển thu nhập khác			911	1.256.875.761	
			Cộng số phát sinh				1.256.875.761	1.256.875.761
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác.

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

❖ **Chứng từ sử dụng:**

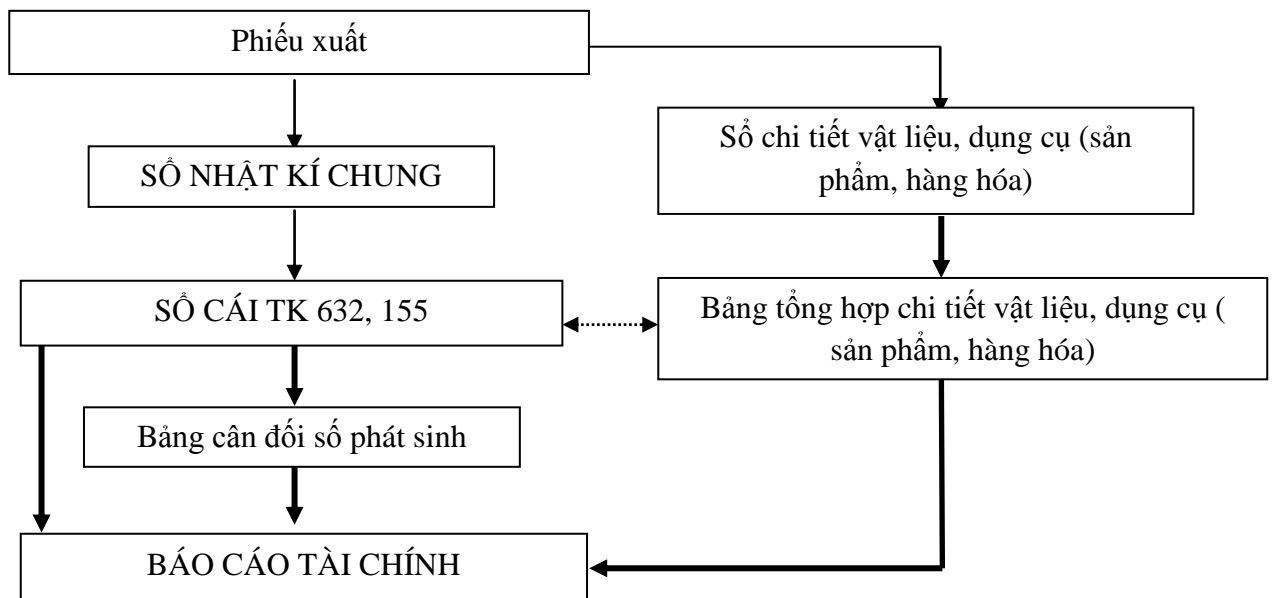
- Phiếu xuất
- Các chứng từ có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

+ *Tài khoản 632 : Giá vốn hàng bán*

❖ **Phương pháp tính giá vốn :** công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán Giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào Phiếu xuất kho và các chứng từ liên quan, kế toán ghi chép bút toán giá vốn của nghiệp vụ bán hàng vào Sổ Nhật ký chung và Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa). Từ Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi chép nghiệp vụ vào Sổ cái TK632, TK155,... Từ Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ

(sản phẩm, hàng hóa) kế toán ghi chép vào Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ(sản phẩm, hàng hóa).

Cuối tháng, kế toán đối chiếu số liệu trên Sổ cái TK155 với Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ(sản phẩm, hàng hóa). Số liệu trên Sổ cái TK632,TK155 ghi vào Bảng cân đối số phát sinh.Từ Sổ cái, Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

VÍ DỤ: Ngày 3/12/2013, Công ty bán hàng cho chi nhánh của công ty tại Hà Nội. Giá bán chưa thuế GTGT 10% là 203.327.500VNĐ.

- Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 1720 (biểu số 2.2.2.1.1), kế toán ghi chép bút toán giá vốn của nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.2.1.2), từ đó bút toán này được ghi vào Sổ cái TK 632(biểu số 2.2.2.1.3) và các sổ cái liên quan.
- Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.2.1.1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số 02 – VT

Bộ phận sản xuất

(Ban hành theo QĐ số 15/2006 - QĐ/BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 03 tháng 12 năm 2013

Số : 1720

- Họ và tên người nhận hàng : chị Hà
- Lý do xuất kho : Bán hàng cho chi nhánh cty tại Hà Nội
- Xuất tại kho : Kho thành phẩm

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Xúc Xích EVD heo túi, 10c/túi	túi	2.000	19.540	39.080.000	
2	Thịt bò xay 170gr	hộp	1.500	16.164	24.246.000	
3	Cá ngừ ngâm dầu Hạ Long 175gr	hộp	2.200	22.624	49.772.800	
4	Thịt lợn hấp Hạ Long 175gr	hộp	1.800	23.368	42.062.400	
5	Thịt lợn xay 170gr	hộp	2.100	13.552	28.459.200	
	Tổng tiền				183.620.400	

- Tổng tiền bằng chữ : *Một trăm tám mươi ba triệu sáu trăm hai mươi ngàn bốn trăm đồng chẵn./*

- Số chứng từ gốc kèm theo : 01 chứng từ gốc

Ngày 03 tháng 12 năm 2013

Thủ trưởng đơn vị

K.T trưởng

P.KH cung ứng

Người nhận

Thủ kho

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.2.1.2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HÀ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính VND

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/u	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
							
			Bán hàng cho CN cty tại Hà Nội					
03/12/13	PX1720	03/12	-Giá vốn			632 155	183.620.400	183.620.400
03/12/13	HĐ0004 918	03/12	-Giá bán			136 512 3331	223.660.250	203.327.500 20.332.750
.....
27/12/13			Bán hàng cho đại lý Hồng Vân					
27/12/13	PX2392	27/12	Giá vốn			632 155	60.759.200	60.759.200
27/12/13	HĐ 0005623	27/12	Giá bán			131 511 3331	71.280.000	64.800.000 6.480.000
....
31/12/13	BPBKH T12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ bộ phận bán hàng T12			641 214	52.845.226	52.845.226
.....
			Cộng số phát sinh năm				4.014.766.124.862	4.014.766.124.862

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.2.1.3

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản : Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh					
....	
03/12/13	PX1720	03/12	Bán hàng cho CN cty tại Hà Nội			155	183.620.400	
03/12/13	PX1721	03/12	Bán hàng cho CN cty tại Hồ Chí Minh			155	25.297.518	
03/12/13	PX1722	03/12	Bán hàng cho CN cty tại Đà Nẵng			155	9.626.554	
03/12/13	PX1723	03/12	Bán hàng cho Cty Cp INTIMEX Hải Phòng			155	10.772.727	
.....	
07/12/13	PX1832	07/12	Bán hàng cho công ty TNHH Hồng Huệ			155	4.150.600	
07/12/13	PX1833	07/12	Bán hàng cho CN cty tại TP. HCM			155	20.930.832	
07/12/13	PX1834	07/12	Bán hàng cho CN cty tại Đà Nẵng			155	14.380.748	
.....	
27/12/13	PX2392	27/12	Bán hàng cho đại lý Hồng Vân			155	60.759.200	
.....	
31/12/13	PKT372	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý			911		208.618.075.652
			Cộng số phát sinh				208.618.075.652	208.618.075.652
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

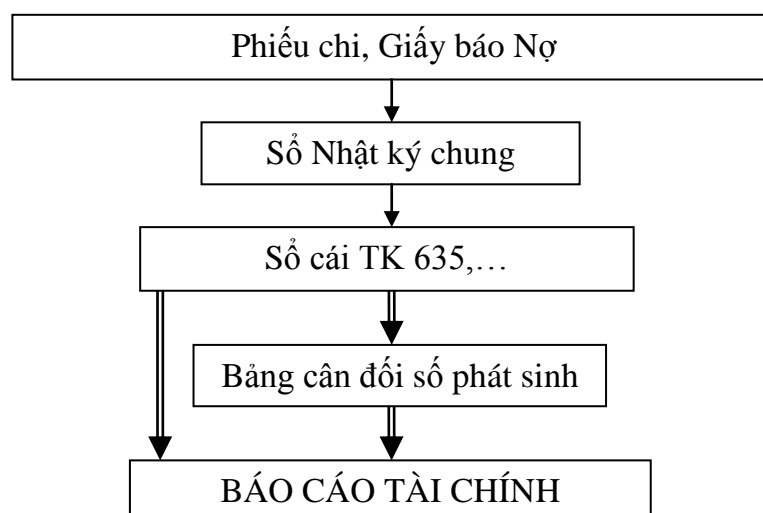
❖ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo nợ
- Phiếu chi
- Sổ phụ

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 635 : Chi phí hoạt động tài chính
- TK 111 : Tiền mặt
- TK 112 : Tiền gửi ngân hàng

Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán Chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ liên quan kế toán ghi chép các nghiệp vụ vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái của tài khoản 635.

Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản và Bảng cân đối số phát sinh kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh.

VÍ DỤ: Ngày 31/12/2013, ngân hàng Thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Eximbank thu lãi tiền vay tháng 12 năm 2013, số tiền là 28.354.526 VNĐ.

- Căn cứ vào Giấy báo Nợ ngày 31/12/2013 (Biểu số 2.2.2.2.1), kế toán ghi chép nghiệp vụ này vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.2.2.2.2). Từ Sổ Nhật ký chung, nghiệp vụ này được ghi vào Sổ cái TK 635 (Biểu số 2.2.2.2.3) và các sổ cái khác có liên quan.
- Cuối kỳ từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập Bảng cân đối Số phát sinh. Số liệu từ Bảng cân đối số phát sinh, Sổ cái được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.2.1

NH TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Vietnam Eximbank)

Số BT(Entry No.) PTHANH(Ký hiệu HĐ)

Hội sở /CHI nhánh (HO/Branch) : EIB HAI PHONG

110909-40

Địa chỉ (Address) : 32 Tran Phu, Quan Ngo Quyen, TP. Hai Phong

MS Thuế (Tax code) : 0301179079-016

TEL: 84.0313.757578

FAX: 84.0313.757571

GIẤY BÁO (ADVICE)

Tên khách hàng (Customer Name) : CONG TY CO PHAN DO HOP HA LONG

Mã số khách hàng (CIF No.) : 1603-103352398

Địa chỉ (Address) :

Mã số thuế (Tax code) : 0200344752

Ngày (Created Date) : 31/12/13

Ngày HL (Value Date): 31/12/13

Chúng tôi xin thông báo (Please advise that)

Chúng tôi đã ghi Nợ tài khoản của Quý khách/ đã nhận bằng tiền mặt số tiền như sau :
We have debited your account/ or received by cash, the following amount:

Chúng tôi đã ghi Có tài khoản của Quý khách / đã nhận bằng tiền mặt số tiền như sau:
We have credited your account/ or paid by cash, the following amount :

NỘI DUNG (Description)	Outward Remittance T/T		
TÀI KHOẢN (A/C No.)	160314851003452	SỐ THAM CHIẾU (Reference No.)	1603-STT-110017194

CHI TIẾT (Item)	Số tiền (Amount)		GHI CHÚ (Remark)
Thu lãi tiền vay tháng 12	VND	28.354.526	Thanh toán lãi tiền vay
Total amount	VND	28.354.526	
Số tiền bằng chữ (Amount in words)	Hai mươi tám triệu ba trăm năm mươi tư nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng.		

Beneficiary :

Remark : Thanh toán lãi tiền vay tháng 12 cho ngân hàng

TTV giữ tài khoản (File Keeper) : PHAM THI THU

Người lập BT(Original entry): **TRAN NGOC ANH** Người phê duyệt (Checked by): **VU THI LUYEN**

Thanh toán viên

Kiểm soát

Giám đốc

(Printed by)

(Checked by)

(Approved by)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.2.2.2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính VND

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
							
			Bán hàng cho CN cty tại Hà Nội					
03/12/13	PX1720	03/12	-Giá vốn			632 155	183.620.400	183.620.400
03/12/13	HĐ0004 918	03/12	-Giá bán			136 512 3331	223.660.250	203.327.500 20.332.750
.....
27/12/13			Bán hàng cho đại lý Hồng Vân					
27/12/13	PX2392	27/12	Giá vốn			632 155	60.759.200	60.759.200
27/12/13	HĐ 0005623	27/12	Giá bán			131 511 3331	71.280.000	64.800.000 6.480.000
....
31/12/13	BPBKH T12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ bộ phận bán hàng T12			641 214	52.845.226	52.845.226
31/12/13	EIB3112 2013	31/12	Thanh toán lãi tiền vay T12			635 112	28.354.526	28.354.526
							
			Cộng số phát sinh năm				4.014.766.124.862	4.014.766.124.862

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.2.2.3

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản : Chi phí tài chính

Số hiệu : 635

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Đòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh					
							
31/12/13	ACB31122013.1	31/12	Thanh toán lãi tiền vay T12/11			112	6.958.550	
31/12/13	ACB31122013.2	31/12	Thanh toán lãi tiền vay T12/11			112	541.650	
31/12/13	VCB31122013	31/12	Thanh toán lãi tiền vay T12/11			112	19.643.627	
31/12/13	INDO31122013	31/12	Thanh toán lãi tiền vay T12/11			112	22.447.212	
31/12/13	EIB31122013	31/12	Thanh toán lãi tiền vay T12/11			112	28.354.526	
							
31/12/13	PKT372	31/12	Kết chuyển chi phí TC			911		371.857.770
			Cộng phát sinh				371.857.770	371.857.770
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phát sinh tại công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, bao bì; chi phí công cụ, đồ dùng; chi phí khấu hao TSCĐ; chi phí mua ngoài...

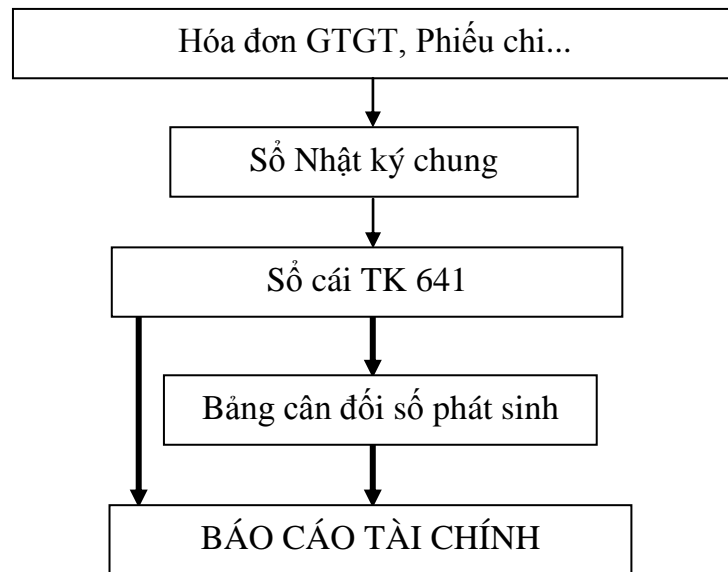
❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 641: Chi phí bán hàng
- Các tài khoản liên quan : TK 111, TK 112...

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho
- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ lương,...

Sơ đồ 2.10: Quy trình hạch toán Chi phí bán hàng tại Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối kỳ

Hàng ngày, căn cứ chứng từ gốc kế toán ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến Chi phí bán hàng vào Sổ Nhật ký chung. Từ Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK641. Cuối kỳ, số liệu trên các Sổ cái của các tài khoản trên được dùng để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh, Sổ cái được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

VÍ DỤ: Ngày 2/12/2013, công ty CP ĐHHL xuất kho 25 kg dây buộc ni lông cho tổ bốc xếp, đóng gói sản phẩm. Số tiền 675.000VNĐ.

- Kế toán lập Phiếu xuất kho số 1714 (Biểu số 2.2.2.3.1). Từ Phiếu xuất kho kế toán ghi chép nghiệp vụ vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.2.2.3.2), từ Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 641(Biểu số 2.2.2.3.3) và các sổ cái liên quan.
- Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ cái, bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.2.2.3.1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Bộ phận Quản lý doanh nghiệp

Mẫu số : 02 - VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 02 tháng 12 năm 2013

Số: 1714

- Họ và tên người nhận hàng : Nguyễn Thùy Linh Đơn vị nhận: Tổ bốc xếp
- Lý do xuất kho : Xuất vật tư để đóng gói sản phẩm
- Xuất tại kho : Kho vật tư

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Dây buộc ni lông	kg	25	27.000	675.000	
	Tổng tiền				675.000	

- Tổng tiền bằng chữ : Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn./
- Số chứng từ gốc kèm theo : 01 chứng từ gốc

Ngày 02 tháng 12 năm 2013

Thủ trưởng đơn vị K.T trưởng P.KH cung ứng Người nhận Thủ kho

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.2.3.2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính VND

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/u	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
							
02/12/13	PX1714	02/12	Xuất vật tư cho bộ phận bán hàng			641 152	675.000	675.000
			Bán hàng cho CN cty tại Hà Nội					
03/12/13	PX1720	03/12	-Giá vốn			632 155	183.620.400	183.620.400
03/12/13	HĐ0004 918	03/12	-Giá bán			136 512 3331	223.660.250	203.327.500 20.332.750
.....
27/12/13			Bán hàng cho đại lý Hồng Vân					
27/12/13	PX2392	27/12	Giá vốn			632 155	60.759.200	60.759.200
27/12/13	HĐ 0005623	27/12	Giá bán			131 511 3331	71.280.000	64.800.000 6.480.000
....
31/12/13	BPBKH T12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ bộ phận bán hàng T12			641 214	52.845.226	52.845.226
31/12/13	EIB3112 2013	31/12	Thanh toán lãi tiền vay T12			635 112	28.354.526	28.354.526
							
			Cộng số phát sinh năm				4.014.766.124.862	4.014.766.124.862

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.2.3.3

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03ab- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013

Tên tài khoản : Chi phí bán hàng

Số hiệu : 641

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/r	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh					
.....
02/12/13	PX1714	02/12	Xuất vật tư cho bộ phận bán hàng			152	675.000	
.....	
08/12/13	PC2511	08/12	Chi phí vận chuyển hàng đi bán			111	1.353.000	
							
31/12/13	BPBKHT 12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ BP bán hàng T12			214	52.845.226	
31/12/13	PKT372	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng			911		18.686.221.926
			Cộng số phát sinh				18.686.221.926	18.686.221.926
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí liên quan đến hoạt động quản lý của doanh nghiệp như các chi phí về nhân viên quản lý, khấu hao TSCĐ, thuế, phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

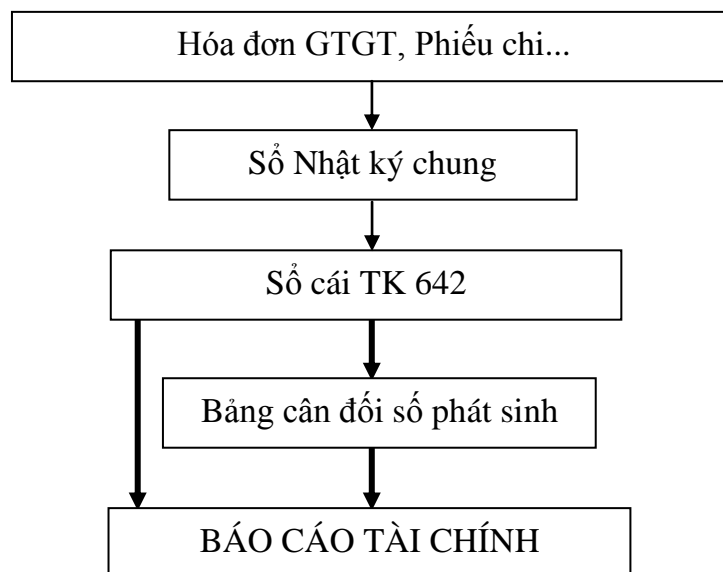
❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi, hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, bảng phân bổ CCDC
- Giấy đề nghị thanh toán
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Các tài khoản khác liên quan : TK 111, TK 112...

Sơ đồ 2.11 : Quy trình hạch toán Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối kỳ

Hàng ngày, căn cứ chứng từ gốc kế toán ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến Chi phí QLDN vào Sổ Nhật ký chung. Từ Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK642. Cuối kỳ, số liệu trên các Sổ cái của các tài khoản trên được dùng để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh và Sổ cái kế toán lập Báo cáo tài chính.

VÍ DỤ: Ngày 12/12/2013 chi tiền mặt phục vụ tiếp khách tại trung tâm tổ chức Hội Nghị DG Tower Hải Phòng, tổng tiền thanh toán 3.575.000VNĐ.

- Dựa vào HĐ0005205 (biểu số 2.2.2.4.1) và phiếu chi số 2530 (biểu số 2.2.2.4.2), kế toán phản ánh nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.2.4.3). Từ Sổ Nhật ký chung, ghi chép nghiệp vụ vào Sổ cái TK 642(biểu số .2.2.2.4.4) và các sổ cái liên quan.
- Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh và Sổ cái đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.2.4.1

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 2		Ký hiệu: AB/13P			
<i>Ngày 12 tháng 12 năm 2013</i>		Số: 0005205			
Đơn vị bán hàng : DG Tower Hải Phòng					
MST : 0200573859					
Địa chỉ : Số 15 Trần Phú, Ngô Quyền , Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Điện thoại : 0313.757.459					
Họ tên người mua hàng :					
Tên đơn vị : Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long					
Địa chỉ : Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : tiền mặt MST : 0200344752					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1*2
1	Tiếp khách				3.250.000
Cộng tiền hàng					3.250.000
Thuế suất thuế GTGT 10 % Tiền thuế GTGT					325.000
Tổng cộng tiền thanh toán					3.575.000
- Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu năm trăm bảy mươi năm ngàn đồng chẵn./					
- Người mua hàng (<i>đã ký</i>)		Người bán hàng (<i>đã ký</i>)		Thủ trưởng đơn vị. (<i>đã ký</i>)	

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.2.4.2

Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long

PHIẾU CHI

Mẫu số 02-TT

71 Lê Lai- Ngô Quyền – HP

Số: 2530

(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/3 của Bộ trưởng BTC)

Ngày 12 tháng 12 năm 2013

Nợ :642, 133

Có :111

Họ và tên người nhận tiền : DG Tower Hải Phòng

Địa chỉ : 15 Trần Phú, Ngô Quyền, Hải Phòng

Lý do chi: Chi tiếp khách

Số tiền bằng số : 3.575.000VND

Số tiền bằng chữ : Ba triệu năm trăm bảy mươi năm ngàn đồng chẵn./

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền : 3.575.000

Ngày 12 tháng 12 năm 2013

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Thủ quỹ Người nhận tiền

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.2.4.3

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính VND

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/u	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
							
12/12/13	PC2530	12/12	CP tiếp khách			642 133 111	3.250.000 325.000	3.575.000
.....
27/12/13			Bán hàng cho đại lý Hồng Vân					
27/12/13	PX2392	27/12	Giá vốn			632 155	60.759.200	60.759.200
27/12/13	HĐ 0005623	27/12	Giá bán			131 511 3331	71.280.000	64.800.000 6.480.000
....
31/12/13	BPBKH T12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ bộ phận bán hàng T12			641 214	52.845.226	52.845.226
							
			Cộng số phát sinh năm				4.014.766.124.862	4.014.766.124.862

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.2.4.3

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03ab - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013

Tên tài khoản : Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu : 642

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/tr	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh					
							
12/12/13	PC2 530	12/12	Chi phí tiếp khách			111	3.250.000	
..	
21/12/13	PX22 85	21/12	Xuất VPP cho P. Kế toán - tài chính			152	350.000	
.....	
31/12/13	BPB KHT 12	31/12	Trích KH TSCĐ BP QLDN			214	151.521.663	
31/12/13	PKT 372	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN			911		21.950.566.261
			Cộng số phát sinh				21.950.566.261	21.950.566.261

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.5. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác ở công ty bao gồm: chi phí thanh lý, nhượng bán NVL, TSCĐ...

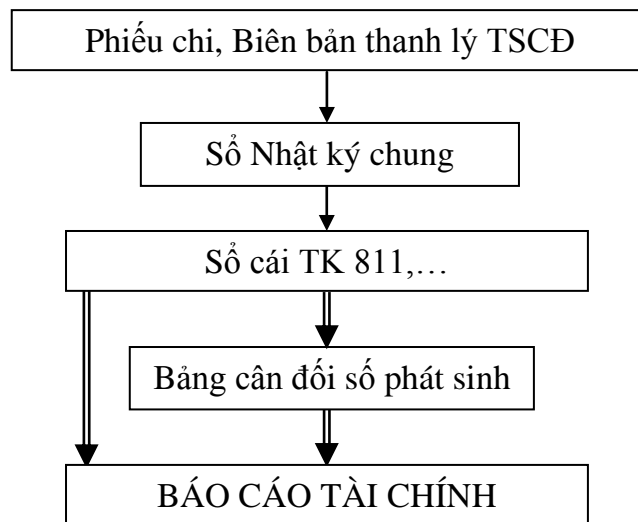
❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 811 : Chi phí khác
- Các tài khoản có liên quan khác : TK 111, TK 112...

**Sơ đồ 1.12 : Quy trình hạch toán chi phí khác tại Công ty CP đồ hộp
Hạ Long**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ của các nghiệp vụ liên quan đến chi phí khác, kế toán ghi chép các nghiệp vụ đó vào Sổ Nhật ký chung. Từ Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi chép vào Sổ cái TK 811 và sổ cái các tài khoản liên quan.

Cuối kỳ, số liệu trên Sổ cái các tài khoản đó được dùng để lập BCD số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh và Sổ cái, kế toán sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Khóa luận tốt nghiệp

VÍ DỤ: Ngày 29/12/2013, công ty CP Đồ hộp Hạ Long bán phế liệu cho chị Hương. Giá bán chưa thuế GTGT 10% 1 27.600VNĐ.

- Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 2547 (biểu số 2.2.2.5.1), kế toán ghi chép nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.2.5.2), từ Sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 811(biểu số 2.2.2.5.3) .
- Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh, Sổ cái đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.2.2.5.1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Bộ phận Sản xuất

Mẫu số: 02-VT

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 29 tháng 12 năm 2013

Số: 2547

- Họ và tên người nhận hàng : Chị Hương Đơn vị nhận :
- Lý do xuất kho : Bán phế liệu
- Xuất tại kho : Kho vật tư

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	<i>Phế liệu thực phẩm</i>	Kg	68	3.200	217.600	
	Tổng tiền				217.600	

-Tổng tiền bằng chữ: *Hai trăm mười bảy nghìn sáu trăm đồng chẵn./*

-Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 29 tháng 12 năm 2013

Thủ trưởng đơn vị

K.T trưởng

P.KH cung ứng

Người nhận

Thủ kho

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.2.5.2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬP KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính VND

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
							
			Bán hàng cho CN cty tại Hà Nội					
03/12/13	PX1720	03/12	-Giá vốn			632 155	183.620.400	183.620.400
03/12/13	HĐ0004 918	03/12	-Giá bán			136 512 3331	223.660.250	203.327.500 20.332.750
.....
27/12/13			Bán hàng cho đại lý Hồng Vân					
27/12/13	PX2392	27/12	Giá vốn			632 155	60.759.200	60.759.200
27/12/13	HĐ 0005623	27/12	Giá bán			131 511 3331	71.280.000	64.800.000 6.480.000
....
29/12/13	PX2547 PT1852	29/12	Bán phế liệu -Chi phí khác -Thu nhập khác			811 152 111 711 3331	217.600 239.360	217.600 217.600 21.760
....
31/12/13	BPBKH T12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ bộ phận bán hàng T12			641 214	52.845.226	52.845.226
							
			Cộng số phát sinh năm				4.014.766.124.862	4.014.766.124.862

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.2.5.3

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản : Chi phí khác

Số hiệu : 811

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK d/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh					
							
05/12/13	PX1921	07/12	Bán phế liệu			152	30.752.583	
11/12/13	PX2034	10/12	Bán phế liệu			152	3.456.221	
							
22/12/13	PX2350	27/12	Bán phế liệu			152	52.500	
...	
29/12/13	PX2547	29/12	Bán phế liệu			152	217.600	
							
31/12/13	PKT372	31/12	Kết chuyển chi phí khác			911		959.454.685
			Cộng số phát sinh				959.454.685	959.454.685
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

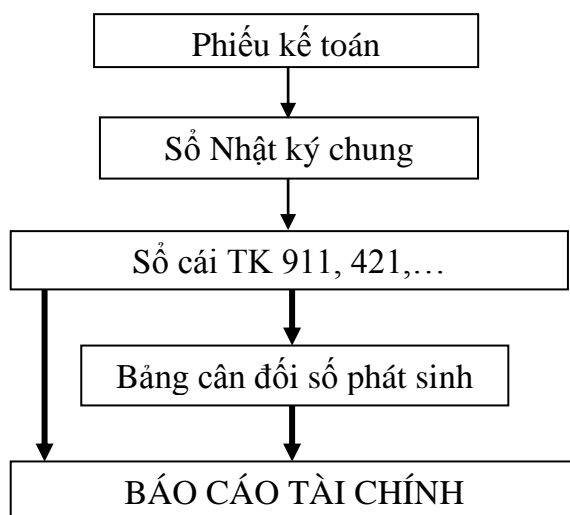
❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh
- Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- Tài khoản 821: Chi phí thuế TNDN
- Và các tài khoản khác có liên quan: TK 333, TK 511, TK 632...

Sơ đồ 1.13: Quy trình hạch toán kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long



Ghi chú:

————→ Ghi hàng ngày

————→ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

Cuối kỳ, kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính số thuế TNDN phải nộp. Từ phiếu kế toán, kế toán phản ánh vào Sổ nhật ký chung và Sổ cái các tài khoản có liên quan. Từ Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái, Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

VÍ DỤ: Ngày 31/12/2013 công ty CP đồ hộp Hạ Long tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh năm 2013. Trong đó:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 73.873.330.225
- Doanh thu bán hàng nội bộ: 190.157.217.016
- Doanh thu hoạt động tài chính: 338.255.690
- Giá vốn hàng bán: 208.618.075.652
- Chi phí hoạt động tài chính: 371.857.770
- Chi phí bán hàng: 18.686.221.926
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 21.950.566.261
- Thu nhập khác: 1.256.875.761
- Chi phí khác: 959.454.685

Kết	=	DT	_	Giá	+	DT	_	CP	_	CP	_	CP	+	Thu	Chi phí	
quả		thuần		vốn		hoạt		tài		bán		QLDN		nhập	_	khác
kinh						động		chính		hàng				khác		
doanh						tài		chính								

Kết quả kinh doanh = 73.873.330.225 + 190.157.217.016 - 208.618.075.652 + 338.255.690 - 371.857.770 - 18.686.221.926 - 21.950.566.261 + 1.256.875.761 - 959.454.685 = 15.039.502.398

Kết quả kinh doanh = 15.039.502.398 > 0 => Lãi

Thuế TNDN phải nộp = 15.039.502.398 * 25% = 3.759.875.600

Lợi nhuận sau thuế = 15.039.502.398 - 3.759.875.600 = 11.279.626.798

⇒ Đây là số thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013.

Kế toán lập các Phiếu kế toán (biểu số 2.2.3.1 đến biểu số 2.2.3.5) để ghi nhận các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh. Căn cứ vào Phiếu kế toán kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.3.6). Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái 911(biểu số 2.2.3.7) và các sổ cái khác có liên quan. Từ Sổ cái kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái, Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.3.1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số: 371

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	73.873.330.225	
Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ	512	911	190.157.217.016	
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	338.255.690	
Kết chuyển thu nhập khác	711	911	1.256.875.761	
Cộng			265.625.678.692	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu

(Đã ký)

Biểu số 2.2.3.2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số: 372

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	208.618.075.652	
Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	371.857.770	
Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	18.686.221.926	
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	21.950.566.261	
Kết chuyển chi phí khác	911	811	959.454.685	
Cộng			250.586.176.294	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu

(Đã ký)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.3.3

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số: 373

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp	821	3334	3.759.875.600	
Cộng			3.759.875.600	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu
(Đã ký)

Biểu số 2.2.3.4

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số: 374

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	3.759.875.600	
Cộng			3.759.875.600	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu
(Đã ký)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.3.5

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số: 375

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển lãi	911	421	11.279.626.798	
Cộng			11.279.626.798	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu

(Đã ký)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.3.6

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
							
31/12/13	PKT371	31/12	-Kết chuyển DT bán hàng -Kết chuyển DT bán hàng nội bộ -Kết chuyển DT hoạt động TC -Kết chuyển thu nhập khác			511 512 515 711 911	73.873.330.225 190.157.217.016 338.255.690 1.256.875.761	265.625.678.692
31/12/13	PKT372	31/12	-Kết chuyển GVHB -Kết chuyển chi phí tài chính -Kết chuyển chi phí bán hàng -Kết chuyển chi phí QLDN -Kết chuyển chi phí khác			911 632 635 641 642 811	250.586.176.294 208.618.075.652 371.857.770 18.686.221.926 21.950.566.261 959.454.685	
31/12/13	PKT373	31/12	Xác định thuế TNDN			821 3334	3.759.875.600	3.759.875.600
31/12/13	PKT374	31/12	Kết chuyển CP thuế			911 821	3.759.875.600	3.759.875.600
31/12/13	PKT375	31/12	Kết chuyển lãi			911 421	11.279.626.798	11.279.626.798
			Cộng phát sinh cả năm				4.014.766.124.862	4.014.766.124.862

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.3.7

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013

Tên tài khoản : Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu : 911

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh					
31/12/12	PKT371	31/12	-Kết chuyển Dthu BH -Kết chuyển Dt nội bộ -Kết chuyển DT hoạt động TC -Kết chuyển thu nhập khác			511 512 515 711		73.873.330.225 190.157.217.016 338.255.690 1.256.875.761
31/12/12	PKT372	31/12	-Kết chuyển giá vốn hàng bán -Kết chuyển chi phí tài chính -Kết chuyển chi phí bán hàng -Kết chuyển chi phí QLDN -Kết chuyển chi phí khác			632 635 641 642 811	208.618.075.652 371.857.770 18.686.221.926 21.950.566.261 959.454.685	
31/12/12	PKT374	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			821	3.759.875.600	
31/12/12	PKT375	31/12	Kết chuyển lãi			421	11.279.626.798	
			Cộng số phát sinh				265.625.678.692	265.625.678.692
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.3.8

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013
Tên tài khoản : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
Số hiệu : 821

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh					
31/12/13	PKT373	31/12	Xác định thuế TNDN			3334	3.759.875.600	
31/12/13	PKT374	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			911		3.759.875.600
			Cộng số phát sinh				3.759.875.600	3.759.875.600
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.3.9

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013
Tên tài khoản : Lợi nhuận chưa phân phối
Số hiệu : 421

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					9.570.578.236
			Số phát sinh trong kỳ					
31/12/13	PKT375	31/12	Kết chuyển lãi			911		11.279.626.798
			Cộng số phát sinh				-	11.279.626.798
			Số dư cuối năm					20.850.205.034

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.3.10

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng
Điện thoại:

MẪU SỐ B02-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

HẠNG MỤC	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2012	Năm 2013
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	252.807.801.359	264.030.547.241
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		252.807.801.359	264.030.547.241
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	195.650.353.067	208.618.075.652
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		57.157.448.292	55.412.471.589
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	375.283.580	338.255.690
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	355.545.982	371.857.770
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		355.545.982	371.857.770
8. Chi phí bán hàng	24		17.988.606.112	18.686.221.926
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21.569.599.773	21.950.566.261
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		17.618.981.005	14.742.081.322
11. Thu nhập khác	31		875.648.360	1.256.875.761
12. Chi phí khác	32		704.064.981	959.454.685
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		171.583.379	297.421.076
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		17.790.564.384	15.039.502.398
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	4.447.641.096	3.759.875.600
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		13.342.917.288	11.279.626.798
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

CHƯƠNG 3:
GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

3.1.ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

3.1.1.Kết quả đạt được:

Qua thời gian thực tập ở Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long, em đã hiểu biết thêm về thực tế tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp và có cơ hội đối chiếu thực tế với lý luận. Trong quá trình thực tập tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có những kết quả như sau:

3.1.1.1.Về tổ chức bộ máy kế toán

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình phân tán, phân thành cấp : kế toán văn phòng công ty và kế toán tại các chi nhánh. Tại văn phòng công ty và tại các chi nhánh đều có sổ sách và báo cáo kế toán riêng. Cuối kì, các chi nhánh gửi báo cáo lên văn phòng công ty để kế toán trưởng tại văn phòng công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long là một công ty lớn, địa bàn kinh doanh rộng, phân tán. Trong điều kiện này, công ty buộc phải phân cấp tổ chức kế toán. Do đó, công ty đã lựa chọn mô hình kế toán phân tán.Theo em, đây là sự lựa chọn vô cùng đúng đắn.Mô hình này sẽ giúp giảm bớt sự chồng chéo về bộ máy nhân sự mà vẫn đảm bảo cho việc chỉ đạo tại chỗ của đơn vị cấp trên đối với đơn vị cấp dưới được chặt chẽ.Với mô hình này, công tác kế toán tại văn phòng công ty cũng như tại chi nhánh sẽ dễ dàng thực hiện hơn. Đặc biệt, trong điều kiện sản lượng tiêu thụ và doanh thu bán hàng của công ty rất lớn thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty sẽ dễ thực hiện và theo dõi hơn. Đồng thời ban lãnh đạo cũng nhanh chóng, dễ dàng nắm được mọi hoạt động của toàn công ty, trên cơ sở đó có thể quản lý và đề ra các chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp trong các kỳ tiếp theo.

- Tại văn phòng công ty, bộ máy kế toán rất gọn nhẹ. Các nhân viên phòng Kế toán – tài chính đều có trình độ và năng lực cao, giàu kinh nghiệm, nhiệt tình. Các nhân viên kế toán đều được phân công công việc rõ ràng, cụ thể, phù hợp với trình độ chuyên môn của mỗi người, tạo điều kiện chuyên môn hóa và nâng cao trình độ kế toán viên.

3.1.1.2. Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- **Về chứng từ kế toán và tài khoản kế toán sử dụng:**
 - ✓ Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy định luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.
 - ✓ Chi nhánh công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính. Hệ thống tài khoản sử dụng tương đối đầy đủ, có sử dụng tài khoản chi tiết.
- **Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:**
 - ✓ Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức kế toán khá đơn giản, dễ thực hiện, hệ thống sổ sách gọn nhẹ, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán.
- **Về việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty :**
 - ✓ Về hạch toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng đều được kế toán ghi nhận kịp thời, chính xác, đầy đủ. Từ đó góp phần giúp cho kết quả kinh doanh được xác định một cách hợp lý, cung cấp thông tin một cách xác thực nhất cho ban lãnh đạo của công ty.
 - ✓ Về hạch toán chi phí: Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được hạch toán đầy đủ và kịp thời. Mọi chi phí phát sinh trong kỳ đều được công ty quản lý một cách chặt chẽ, bảo đảm tính hợp lý và cần thiết. Công ty tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Phương pháp này rất phù hợp với công ty.

- ✓ Về kế toán xác định kết quả kinh doanh: cuối năm, công ty tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo công ty.

3.1.2.Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kế toán tại công ty cũng khó tránh khỏi một số hạn chế. Sau đây là các hạn chế của công ty mà em tìm hiểu được:

3.1.2.1.Về tài khoản sử dụng

Hiện nay công ty chưa mở tài khoản chi tiết cho Tài khoản 511, tài khoản 632, tài khoản 641, tài khoản 642 dẫn đến việc khó theo dõi doanh thu, giá vốn từng nhóm hàng, mặt hàng và các yếu tố chi phí phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Điều này làm ảnh hưởng đến công tác quản lý chi phí của doanh nghiệp.

3.1.2.2.Về hệ thống sổ kế toán

- ✓ Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long có rất nhiều mặt hàng, doanh thu tiêu thụ hàng năm lớn, nhưng khi hạch toán doanh thu công ty mới chỉ lập Sổ cái chứ chưa lập Sổ chi tiết bán hàng và bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Điều này gây khó khăn rất lớn cho việc theo dõi và xác định sản lượng, doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng, cũng như khó xác định được lợi nhuận gộp mà từng mặt hàng đem lại.

- ✓ Công ty không mở sổ chi tiết để theo dõi các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Điều này gây khó khăn trong việc theo dõi và quản lý chi phí, kiểm tra, đối chiếu các sổ sách kế toán.

3.1.2.3.Về việc ứng dụng công nghệ thông tin

Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long là một công ty lớn, được thành lập cách đây hơn 50 năm, các nhân viên kế toán của công ty đều có nhiều năm kinh nghiệm với sổ sách nhưng công ty vẫn sử dụng hình thức thủ công nên mất khá nhiều thời gian, công sức, đôi khi còn có sự nhầm lẫn, sai lệch về số liệu và các nghiệp vụ phát sinh.

3.1.2.4.Về quy trình luân chuyển chứng từ

Về cơ bản, mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa các phòng ban đúng theo trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có phiếu giao nhận chứng từ, vì thế khi xảy ra mất mát chứng từ thì không biết quy trách nhiệm cho ai xử lý.

3.1.2.5. Về chính sách chiết khấu thương mại

Hiện nay công ty chưa có chính sách chiết khấu thương mại cho khách hàng khi mua với số lượng lớn. Điều này có thể ảnh hưởng tới tính cạnh tranh của sản phẩm công ty, không có cơ hội thu hút thêm nhiều khách hàng mới.

3.1.2.6. Về chính sách chiết khấu thanh toán

Hiện nay công ty chưa có chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng khi khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này gây ảnh hưởng tới khả năng thu hồi vốn nhanh, vòng quay luân chuyển vốn lưu động và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN, DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

3.2.1. Hoàn thiện tài khoản sử dụng

- ❖ Công ty nên mở Tài khoản chi tiết cho Tài khoản 511 để theo dõi doanh thu từng nhóm hàng, mặt hàng như sau:
 - **Tài khoản 5111 – Doanh thu bán xúc xích**
 - Tài khoản 5111.1 – Doanh thu bán xúc xích Bò Bee Bee (3 cây)
 - Tài khoản 5111.2 – Doanh thu bán xúc xích Bò Bee Bee (5 cây)
 - Tài khoản 5111.3 – Doanh thu bán xúc xích Heo Bee Bee (3 cây)
 - Tài khoản 5111.4 – Doanh thu bán xúc xích Bò Chipbon (10 cây)
 - Tài khoản 5111.5 – Doanh thu bán xúc xích Heo Chipbon (10 cây)
 - Tài khoản 5111.6 – Doanh thu bán xúc xích Bò Every Day (10 cây)
 - Tài khoản 5111.7 – Doanh thu bán xúc xích Heo Every Day (10 cây)
 - Tài khoản 5111.8 – Doanh thu bán mực một nắng Mỹ Khê
 - **Tài khoản 5112 - Doanh thu bán đồ hộp cá**
 - Tài khoản 5112.1 – Doanh thu bán Cá Ngừ sốt cà chua
 - Tài khoản 5112.2 – Doanh thu bán Cá ngừ ngâm dầu 175g/115g
 - Tài khoản 5112.3 – Doanh thu bán Cá ngừ ngâm dầu 175g/105g
 - Tài khoản 5112.4 – Doanh thu bán Cá sốt cà 155g
 - Tài khoản 5112.5 – Doanh thu bán Cá sốt cà 175g

- Tài khoản 5112.6 – Doanh thu bán Cá nù thái lát ngâm dầu
- **Tài khoản 5113 – Doanh thu bán đồ hộp thịt**
 - Tài khoản 5113.1 – Doanh thu bán Heo 2 lát
 - Tài khoản 5113.2 – Doanh thu bán Bò 2 lát
 - Tài khoản 5113.3 – Doanh thu bán Pate Gan 150g
 - Tài khoản 5113.4 – Doanh thu bán Pate Gan 170g
 - Tài khoản 5113.5 – Doanh thu bán thịt bò sốt cà chua
 - Tài khoản 5113.6 – Doanh thu bán Thịt kho tàu
 - Tài khoản 5113.7 – Doanh thu bán Xíu mại sốt cà
 -
- **Tài khoản 5114 – Doanh thu bán hàng đông lạnh**
 - Tài khoản 5114.1 – Doanh thu bán cá bò da Mỹ Khê
 - Tài khoản 5114.2 – Doanh thu bán Cá bớp
 - Tài khoản 5114.3 – Doanh thu bán Cá chim đông lạnh
 - Tài khoản 5114.4 – Doanh thu bán Mực một nắng tiên Sa
 - Tài khoản 5114.5 – Doanh thu bán Chả giò rế
 - Tài khoản 5114.6 – Doanh thu bán Chả giò đặc biệt
 - Tài khoản 5114.7 – Doanh thu bán Cá thu một nắng
- ❖ Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho tài khoản 632 để theo dõi giá vốn cho từng nhóm hàng, mặt hàng như sau:
 - **Tài khoản 6321 – Giá vốn xúc xích**
 - Tài khoản 6321.1 – Giá vốn xúc xích Bò Bee Bee (3 cây)
 - Tài khoản 6321.2 – Giá vốn xúc xích Bò Bee Bee (5 cây)
 - Tài khoản 6321.3 – Giá vốn xúc xích Heo Bee Bee (3 cây)
 - Tài khoản 6321.4 – Giá vốn xúc xích Bò Chipbon (10 cây)
 - Tài khoản 6321.5 – Giá vốn xúc xích Heo Chipbon (10 cây)
 - Tài khoản 6321.6 – Giá vốn xúc xích Bò Every Day (10 cây)
 - Tài khoản 6321.7 – Giá vốn xúc xích Heo Every Day (10 cây)
 - Tài khoản 6321.8 – Giá vốn mực một nắng Mỹ Khê
 - **Tài khoản 6322 – Giá vốn đồ hộp cá**
 - Tài khoản 6322.1 – Giá vốn Cá Nù sốt cà chua
 - Tài khoản 6322.2 – Giá vốn Cá nù ngâm dầu 175g/115g
 - Tài khoản 6322.3 - Giá vốn Cá nù ngâm dầu 175g/105g

- Tài khoản 6322.4 – Giá vốn Cá sốt cà 155g
- Tài khoản 6322.5 – Giá vốn Cá sốt cà 175g
- Tài khoản 6322.6 – Giá vốn Cá ngừ thái lát ngâm dầu

- **Tài khoản 6323 – Giá vốn đồ hộp thịt**

- Tài khoản 6323.1 – Giá vốn Heo 2 lát
- Tài khoản 6323.2 – Giá vốn Bò 2 lát
- Tài khoản 6323.3 – Giá vốn Pate Gan 150g
- Tài khoản 6323.4 – Giá vốn Pate Gan 170g
- Tài khoản 6323.5 – Giá vốn Thịt bò sốt cà chua
- Tài khoản 6323.6 – Giá vốn Thịt kho tàu
- Tài khoản 6323.7 – Giá vốn Xíu mại sốt cà

.....

- **Tài khoản 6324 – Giá vốn hàng đông lạnh**

- Tài khoản 6324.1 – Giá vốn cá bò da Mỹ Khê
- Tài khoản 6324.2 – Giá vốn Cá bớp
- Tài khoản 6324.3 – Giá vốn Cá chim đông lạnh
- Tài khoản 6324.4 – Giá vốn Mực một nắng tiên Sa
- Tài khoản 6324.5 – Giá vốn Chả giò rế
- Tài khoản 6324.6 – Giá vốn Chả giò đặc biệt
- Tài khoản 6324.7 – Giá vốn Cá thu một nắng

❖ Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho Tài khoản 641, tài khoản 642 để theo dõi từng yếu tố chi phí phát sinh như sau:

- **Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng**

- Tài khoản 6411 – Chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì
- Tài khoản 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Tài khoản 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418 – Chi phí bằng tiền khác

- **Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Tài khoản 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- Tài khoản 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- Tài khoản 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng

- Tài khoản 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6425 – Thuế, phí và lệ phí
- Tài khoản 6426 – Chi phí dự phòng
- Tài khoản 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6428 – Chi phí bằng tiền khác

3.2.2. Hoàn thiện sổ sách sử dụng

Công ty nên lập các “ Sổ chi tiết bán hàng” chi tiết theo từng mặt hàng. Có như vậy công ty mới nắm được tình hình tiêu thụ của từng sản phẩm, qua đó biết được doanh thu, giá vốn, lãi gộp của từng sản phẩm, để nắm được sản phẩm nào đem lại lợi nhuận cao, sản phẩm nào làm giảm lợi nhuận.

Bên cạnh việc lập Sổ chi tiết bán hàng, công ty cũng cần lập Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Cuối tháng, kế toán sẽ tiến hành tổng hợp số liệu từ các Sổ chi tiết bán hàng vào Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng theo từng nhóm hàng. Tiếp đó, từ các bảng tổng hợp chi tiết bán hàng theo từng nhóm hàng lập Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Sau đó kế toán sẽ đối chiếu số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng với Sổ cái TK 511, TK 512 để kiểm tra xem số liệu có chính xác và hợp lý không. Việc lập các Sổ này sẽ giúp cho công tác quản lý kế toán doanh thu được cụ thể và chặt chẽ hơn.

Dưới đây là mẫu Sổ chi tiết bán hàng (biểu số 3.1) và mẫu Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng (biểu số 3.2)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 3.1

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S35-DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):.....

Năm:.....

Quyển số:.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.2

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tháng.....năm.....

STT	Tên thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	Số phát sinh	
		Nợ	Có
	Cộng		

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Em xin lập mẫu Sổ chi tiết bán hàng cho Cá ngừ ngậm dầu Hạ Long 175g như sau:

Biểu số 3.3

Công ty CP đồ hộp Hạ Long
Số 71 Lê Lai, Ngõ Quyền, Hà Phòng

Mẫu số S35-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Cá ngừ ngậm dầu Hạ Long 175g/hộp

Số dư đầu kỳ:

Phát sinh trong kỳ:

Số dư cuối kỳ:

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng (hộp)	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
.....		
05/10/13	HĐ2670	05/10	Công ty TNHH MTV CO.OPMART Hải Phòng	111	750	24.655	18.491.250		
09/10/13	HĐ2771	09/10	Công ty Cổ phần INTIMEX HẢI PHÒNG	111	880	24.655	21.696.400		
21/10/13	HĐ3098	21/10	Cửa hàng Loan Dũng	111	250	24.655	6.163.750		
....		
03/12/13	HĐ 4918	03/12	Chi nhánh công ty tại Hà Nội	136	2.200	24.655	54.241.000		
...		
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

Ngày 31 tháng 12 năm. 2013

- Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

*Đối với kế toán chi phí, công ty nên mở “ Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh” cho Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp nhằm theo dõi chi tiết từng yếu tố chi phí.

Sau đây là mẫu Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh (biểu số 3.4)

Biểu số 3.4

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ, SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các tài khoản 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

- Tên tài khoản:.....

- Số hiệu tài khoản:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Các yếu tố chi phí								
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra							
						
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	
			-KC CPQLDN										
			-Cộng SPS										

-Sổ này có.....trang, đánh từ trang số 01 đến trang

-Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm.....

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Em xin lập mẫu Sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 642 như sau :

Biểu số 3.5

Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long
Số 71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S36-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ, SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các tài khoản 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

- Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Số hiệu tài khoản: TK 642

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Các yếu tố chi phí							
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Nhân công	Vật liệu	CCDC	KHTS	Thuế, phí, lệ phí	Dịch vụ mua ngoài	Chi phí khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8
.....							
12/12/2013	PC2530	12/12	Chi phí tiếp khách	111	3.575.000							3.575.000
....							
21/12/2013	PX2285	21/12	Xuất VPP cho phòng KT-TC	152	350.000		350.000					
.....							
31/12/2013	BPBKHT12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ BP QLDN	214	151.521.663				151.521.663			
			-KC CPQLDN	911	21.950.566.261							
			-Cộng SPS									

-Sổ này có.....trang, đánh từ trang số 01 đến trang

Ngày 31 tháng 12 năm 2013.

-Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Em xin lập mẫu **Sổ chi phí sản xuất kinh doanh** cho TK 641 như sau :

Biểu số 3.6

Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long
Số 71 Lê Lai, Ngõ Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S36-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ, SẢN XUẤT KINH DOANH
(Dùng cho các tài khoản 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

- Tên tài khoản: Chi phí bán hàng
- Số hiệu tài khoản: TK 641

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Các yếu tố chi phí						
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền						
						Nhân viên	Vật liệu, bao bì	CCDC	KHTS	Dịch vụ mua ngoài	Chi phí khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7
.....						
02/12/2013	PX1714	02/12	Xuất vật tư choBPBH	152	675.000		675.000				
....						
08/12/2013	PCC2511	08/12	Chi phí vận chuyển hàng đi bán	111	1.353.000					1.353.000	
.....						
31/12/2013	BPBKHT12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ BP tháng 12	214	52.845.226				52.845.226		
			-KC CPQLDN	911	18.686.221.926						
			-Cộng SPS								

-Sổ này có.....trang, đánh từ trang số 01 đến trang

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

-Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

3.2.3. Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán

Công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán. Việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp công ty khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu dài.

➤ **Phương pháp xác định:**

- Mức chiết khấu thanh toán được công ty xây dựng dựa trên cơ sở thực tế, hoặc có thể tham khảo của một số công ty cùng ngành tương đương về quy mô. Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính dựa vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả nợ trước hạn và tỷ lệ lãi suất của Ngân hàng.
- Khoản chiết khấu sẽ được áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước thời hạn quy định, khoản chiết khấu này được hạch toán vào TK 635- Chi phí hoạt động tài chính

➤ **Phương pháp hạch toán:**

- Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:
Nợ TK 635: Chi phí hoạt động tài chính
 Có TK 111, 112, 131,...
- Cuối kỳ kết chuyển Chi phí hoạt động tài chính sang TK 911
Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
 Có TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

3.2.4. Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại

Công ty nên có chính sách chiết khấu thương mại cho người mua khi mua với số lượng lớn, như vậy sẽ làm tăng tính cạnh tranh cho các sản phẩm của công ty, thu hút thêm nhiều khách hàng.

➤ **Phương pháp xác định:**

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của các doanh nghiệp cùng ngành. Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.
- Để hạch toán khoản chiết khấu thương mại công ty nên sử dụng Tài khoản 521- “Chiết khấu thương mại”. Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua do đã mua hàng hóa, sản phẩm,

dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã được ghi rõ trên hợp đồng mua bán).

➤ **Phương pháp hạch toán:**

- Khi áp dụng chiết khấu thương mại cho khách hàng:
Nợ TK 521 : Chiết khấu thương mại
Nợ TK 3331: Thuế GTGT phải nộp (33311)(nếu có)
 Có TK 111, 112, 136...
- Cuối kỳ,kết chuyển chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho người mua phát sinh trong kỳ
Nợ TK 511, 512:
 Có TK 521:

3.2.5.Hiện đại hóa công tác kế toán tại Công ty Cổ phần đồ hộp Hạ Long

Khối lượng công việc kế toán tại công ty Cp đồ hộp Hạ Long rất lớn, tuy nhiên công tác kế toán vẫn còn thực hiện thủ công. Công ty nên xem xét việc mua phần mềm kế toán hoặc đặt hàng công ty chuyên viết phần mềm kế toán phù hợp với tính hình công ty và cài đặt sử dụng. Phần mềm kế toán cung cấp lập tức bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm thời gian và chi phí, nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự, nâng cao giá trị thương hiệu trong mắt đối tác, bạn hàng và nhà đầu tư.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như FAST,DMA, CYBER ACOUTING, MISA, ASOFT, ADSOFT,...Công ty nên xem xét và quyết định nên mua sử dụng phần mềm kế toán nào để hỗ trợ cho công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

3.2.6.Về quy trình luân chuyển chứng từ

Để hạn chế việc mất mát hay bỏ sót khi giao nhận chứng từ và dễ dàng quy trách nhiệm cũng như tìm lại chứng từ trong trường hợp bị thất lạc, khi giao nhận chứng từ giữa các phòng ban cần có phiếu giao nhận chứng từ hoặc sổ theo dõi quy trình luân chuyển chứng từ.Sau đây, em xin đưa ra mẫu phiếu giao nhận chứng từ:

Biểu số 3.7: Phiếu giao nhận chứng từ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

71 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Ngày tháng	Loại chứng từ	Số hiệu	Ký tên	
			Bên giao	Bên nhận

KẾT LUẬN

Trải qua hơn 57 năm xây dựng và phát triển, Công ty CP đồ hộp Hạ Long đã đạt được rất nhiều thành công đáng khích lệ. Hiện nay công ty đã có một chỗ đứng vững chắc trong ngành sản xuất, chế biến thực phẩm tại Việt Nam. Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đã dần đi vào quỹ đạo vận hành của nền kinh tế thị trường. Những thành công của công ty ngày hôm nay cũng là có một phần đóng góp không nhỏ của công tác kế toán nói chung và công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Trên đây là một số phân tích, đánh giá và giải pháp chủ quan mà em đã mạnh dạn đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty CP đồ hộp Hạ Long, với mong muốn công ty sẽ ngày càng phát triển không chỉ ở thị trường nội địa mà còn trên thị trường thế giới.

Với những hạn chế về mặt thời gian nghiên cứu và kiến thức chuyên môn cũng như kinh nghiệm thực tế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi có những sai sót. Vì vậy em rất mong được sự chỉ bảo của các thầy cô giáo, các cô chú trong Công ty Cổ phần đồ hộp Hạ Long và sự góp ý của các bạn sinh viên để bài viết của em hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Công ty CP đồ hộp Hạ Long và các cô trong phòng Kế toán - Tài chính đã giúp đỡ em rất nhiều để em có thể hoàn thành bài khóa luận. Đặc biệt em xin cảm ơn sâu sắc đến thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương đã tận tình hướng dẫn em để em có thể hoàn thành bài khóa luận của mình.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 6 năm 2014

Sinh viên

Mai Thùy Dương